HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 608/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Ân Thi là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 18:35:07

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ÂN THI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /ĐA-UBND	*Ân Thi, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN
CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết công nhận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Ân Thi nằm ở khu vực trung tâm Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên. Xã có tổng diện tích tự nhiên là 24,38 km² và quy mô dân số toàn đô thị tính đến 31/12/2025 là 30.925 người.

Đô thị Ân Thi đóng vai trò là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, thương mại, dịch vụ và logistics liên vùng, kết nối giao thông đối ngoại chiến lược trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển (kết nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hải Phòng). Căn cứ theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên, khu vực lõi thị trấn Ân Thi (cũ) đã được công nhận chuyển tiếp là đô thị loại III. Tuy nhiên, sau đợt sắp xếp địa giới hành chính theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 sáp nhập thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh và xã Hoàng Hoa Thám thành đơn vị hành chính xã Ân Thi mới, yêu cầu mở rộng và công nhận toàn bộ phạm vi địa giới xã là đô thị loại III là vô cùng cấp thiết.

Xã Ân Thi có địa hình bằng phẳng, điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi, nên trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh Hưng Yên, kinh tế - xã hội của xã Ân Thi có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Địa bàn xã là nơi thu hút các dự án đầu tư phát triển kinh tế, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, trường học,... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong quá trình phát triển, góp phần làm thay đổi mạnh mẽ diện mạo khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Ân Thi nói riêng.

Việc công nhận toàn xã Ân Thi là đô thị loại III không chỉ nhằm xác lập đúng thực trạng, vị thế phát triển đô thị mà còn là cơ sở pháp lý để chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị, là cơ sở thành lập phường Ân Thi thuộc tỉnh trong năm 2026. Quy trình này giúp giải quyết triệt để các áp lực về quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, mật độ dân cư, trật tự đô thị và bảo vệ môi trường phát sinh từ quá trình đô thị hóa nhanh chóng, đồng thời tạo động lực thu hút đầu tư mạnh mẽ vào 05 khu công nghiệp và các cụm công nghiệp trọng điểm trên địa bàn.

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050... qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị Ân Thi đã hội tụ đầy đủ yếu tố, tiêu chí để công nhận là đô thị loại III, hướng tới thành lập xã đô thị trong năm 2026. Sau khi được công nhận đô thị loại III, xã Ân Thi sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh, bền vững hơn. Đồng thời góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của tỉnh Hưng Yên theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên và chương trình phát triển đô thị đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đây cũng là nguồn động viên đối với Đảng bộ và nhân dân xã Ân Thi nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung.

2. Căn cứ pháp lý lập đề án

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật số 144/2025/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

- Nghị định số 307/2025/NĐ-CP ngày 27/11/2025 của Chính phủ phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Thông báo kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 08/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các văn bản khác có liên quan.

3. Phạm vi lập đề án

Phạm vi lập Đề án công nhận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Ân Thi. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 24,38 km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 30.925 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;
- Phía Tây giáp xã Xuân Trúc, tỉnh Hưng Yên;
- Phía Nam giáp xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên;
- Phía Bắc giáp xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên.



Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Ân Thi trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Ân Thi

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành một huyện lấy tên là Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên quản lý. Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, Ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nhân khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lãng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng và có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Ân Thi) và 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Ân Thi lúc bấy giờ là 01 trong 06 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm: 01 thị trấn (Ân Thi), 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc) và tồn tại cho đến ngày nay.

Trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025, khu vực xã Ân Thi lúc bấy giờ bao gồm khu vực thị trấn Ân Thi và các xã Quang Vinh, Tân Phúc, Hoàng Hoa Thám thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/10/2024, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,71 km2, quy mô dân số là 5.340 người của xã Tân Phúc vào xã Quang Vinh. Sau khi nhập,

xã Quang Vinh có diện tích tự nhiên là 10,29 km^2 và quy mô dân số là 12.504 người. Lúc bấy giờ, khu vực xã Ân Thi ngày nay bao gồm khu vực thị trấn Ân Thi và các xã Hoàng Hoa Thám, Quang Vinh thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh và xã Hoàng Hoa Thám thành xã mới có tên gọi là xã Ân Thi và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Công tác quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn xã Ân Thi bám sát định hướng của Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030 và Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030. Xã có mật độ tập trung dân cư đô thị cao đạt 1.268 người/km² trên toàn diện tích tự nhiên. Không gian đô thị được phân cấu trúc rõ rệt gắn liền với các trục đối ngoại huyết mạch như Quốc lộ 38, ĐT.376, ĐT.386 và dự án giao thông động lực đường Tân Phúc - Võng Phan đang triển khai giải phóng mặt bằng. Mô hình đô thị hóa của xã phát triển gắn chặt với chiến lược đô thị thông minh - xanh - hiện đại, kết hợp hài hòa giữa hạt nhân kinh tế công nghiệp cao và mạng lưới hạ tầng dịch vụ phụ trợ, logistics liên vùng.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của xã từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân. Các tuyến giao thông kết nối các khu dân cư, khu vực sản xuất và trung tâm xã được quan tâm đầu tư; hệ thống điện, cấp nước, thông tin liên lạc, trường học, cơ sở y tế, văn hóa, thể thao và các công trình phục vụ cộng đồng từng bước được hoàn thiện. Cùng với quá trình phát triển dân cư, hoạt động thương mại - dịch vụ đã hình thành và phát triển dọc theo các tuyến giao thông chính, góp phần tạo nên các trục không gian có chức năng hỗn hợp và từng bước hình thành diện mạo đô thị.

Về công tác quy hoạch, việc hình thành xã mới đặt ra yêu cầu phải tổ chức lại không gian phát triển theo hướng thống nhất trên toàn địa bàn, bảo đảm kết nối giữa các khu vực dân cư hiện hữu của 03 đơn vị hành chính trước đây với các

khu vực phát triển mới. Định hướng quy hoạch cần tập trung hình thành các trục phát triển đô thị gắn với giao thông đối ngoại, khu vực trung tâm hành chính - dịch vụ, các khu dân cư tập trung, khu vực sản xuất công nghiệp và các vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao; đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và bảo vệ môi trường.

Một trong những bước ngoặt quan trọng khẳng định tiến trình đô thị hóa mạnh mẽ của xã Ân Thi là việc địa phương được tỉnh Hưng Yên đưa vào kế hoạch thành lập xã đô thị năm 2026. Theo kết quả rà soát và đánh giá sơ bộ, xã Ân Thi đã đạt đầy đủ các tiêu chuẩn cốt lõi theo quy định pháp luật. Đặc biệt, nhóm tiêu chí về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội ghi nhận sự bứt phá vượt bậc: tỷ lệ cân đối thu - chi ngân sách đạt 124,5%; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm đến 78,87% trong cơ cấu GRDP; và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 71,99%. Những thông số ấn tượng này tạo ra một nền tảng kinh tế - xã hội vững chắc, giúp địa phương thuận lợi chuyển đổi mô hình quản lý từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quy hoạch và phát triển đô thị vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục: Do được sáp nhập từ các đơn vị hành chính cũ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật giữa các khu dân cư cũ, trung tâm dịch vụ và các phân khu phát triển mới chưa có tính kết nối cao; Nhiều trục đường chính cần được tiếp tục nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện đồng bộ các hạng mục đi kèm như mặt cắt, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và mạng lưới thoát nước. Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt hay chất thải rắn vẫn cần nguồn vốn đầu tư chuyên sâu để tiệm cận tiêu chuẩn đô thị; Kiến trúc tổng thể tại một số khu vực dân cư tự phát chưa đạt được tính đồng nhất. Quỹ đất dành cho công trình công cộng, không gian xanh, địa điểm vui chơi giải trí và thể dục thể thao cho người dân còn thiếu, cần được tiếp tục bổ sung.

Trong giai đoạn tới, xã Ân Thi xác định công tác quy hoạch sẽ giữ vai trò then chốt để định hình và kiểm soát tốc độ đô thị hóa một cách bền vững. Địa phương sẽ tập trung vào các giải pháp mũi nhọn sau: Ưu tiên hoàn thiện đồng bộ quy hoạch chung, quy hoạch sử dụng đất gắn liền với hành lang kinh tế và các quy hoạch chuyên ngành kỹ thuật khác; Tập trung nguồn lực công đầu tư mạnh mẽ vào các dự án giao thông liên kết vùng, hệ thống chiếu sáng đô thị, mạng lưới ngầm hóa và các hạ tầng xã hội thiết yếu; Khai thác triệt để tiềm năng phát triển dọc hành lang kinh tế, đẩy mạnh thu hút đầu tư, kết hợp phát triển đồng bộ chuỗi thương mại - dịch vụ, nhà ở phụ trợ để tránh tình trạng phát triển đô thị tự phát. Mục tiêu dài hạn của xã là từng bước hoàn thiện cấu trúc không gian, nâng cao chất lượng toàn diện các tiêu chí đô thị, tạo tiền đề vững chắc đưa Ân Thi phát

triển thành một đô thị loại III hiện đại, xanh, sinh thái và bền vững; đóng góp tích cực vào mạng lưới đô thị và kinh tế chung của tỉnh Hưng Yên.

2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch

Trong những năm gần đây, công tác triển khai các chương trình, dự án theo quy hoạch trên địa bàn xã Ân Thi đã có những chuyển biến tích cực, từng bước cụ thể hóa định hướng phát triển không gian, sử dụng đất và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của địa phương. Các dự án được triển khai tương đối đa dạng, tập trung vào các nhóm lĩnh vực quan trọng như phát triển công nghiệp, hạ tầng khu dân cư, giao thông, bảo tồn di tích - phát triển du lịch và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, qua đó tạo nền tảng thúc đẩy quá trình đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã.

Đối với phát triển công nghiệp: Dự án Khu công nghiệp số10 có tổng diện tích 199,62 ha với tổng vốn đầu tư gần 3.000 tỷ đồng do Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp Quang Vinh làm chủ đầu tư. Tỉnh Hưng Yên đã chính thức giao đất và tổ chức khởi công dự án, định hướng phát triển theo mô hình KCN công nghệ cao, nghiên cứu đổi mới sáng tạo; Dự án Khu công nghiệp Thổ Hoàng có quy mô 250 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Ân Thi làm chủ đầu tư. Dự án triển khai một phần trên địa bàn xã Ân Thi và xã Xuân Trúc, đã chính thức được khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Dự án KCN Văn Nhuệ có quy mô toàn dự án gần 200 ha, trong đó diện tích triển khai thực tế trên địa bàn xã Ân Thi là hơn 100 ha. Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư và đang được chính quyền tập trung đẩy nhanh công tác chi trả tiền giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng...

Hạ tầng hạ tầng kỹ thuật và giao thông: Xã Ân Thi đang tập trung dồn lực thực hiện giải phóng mặt bằng, chi trả bồi thường mồ mả, đất đai và xây dựng nghĩa trang phục vụ dự án trọng điểm đường Tân Phúc - Võng Phan. Đồng thời phối hợp với Ban Quản lý dự án tỉnh triển khai đối soát hệ thống mương máng thủy lợi hoàn trả dọc tuyến để phục vụ sản xuất. Hiện tại, toàn xã có 28 công trình thuộc danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đang khẩn trương triển khai bảo đảm tiến độ đô thị hóa.

Đối với phát triển khu dân cư và nhà ở, một số dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp: 01 Cụm công nghiệp trên địa bàn đang tăng tốc hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật (tiến độ đạt trên 70%) và bước đầu thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất; Xã đang triển khai 28 công trình, dự án đầu tư công trung hạn bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống trường học (Mầm non, Tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), trạm y tế cơ sở và các không gian công cộng phục vụ đời sống dân sinh. Đầu tư bổ sung trang thiết bị, cải tạo các bãi rác tập trung, ứng dụng chế phẩm vi sinh xúc đảo trộn rác để giải quyết triệt để rác thải sinh hoạt trong quá trình đô thị hóa

Qua đánh giá cho thấy, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn là cơ sở quan trọng để cụ thể hóa quy hoạch, hình thành cấu trúc không gian đô thị và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của Ân Thi. Việc tiếp tục triển khai đồng bộ các dự án theo quy hoạch sẽ góp phần nâng cao chất lượng hạ tầng, tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ đô thị, cải thiện cảnh quan và môi trường sống, đồng thời tạo cơ sở thực tiễn để xã hoàn thiện các tiêu chí hướng tới đô thị loại III và phát triển theo định hướng đô thị thông minh, hiện đại, xanh và bền vững.

2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch

Công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị tại xã Ân Thi thời gian qua được tập trung triển khai nhằm cụ thể hóa các định hướng tại Quy hoạch xây dựng vùng huyện và Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030. Sau khi sáp nhập và ổn định đơn vị hành chính mới, xã đã rà soát, kế thừa các dự án đầu tư từ các đơn vị tiền thân, ưu tiên các công trình hạ tầng khung tạo đột phá kết nối. Lộ trình đầu tư hướng đến chuyển đổi mô hình từ không gian nông thôn sang chính quyền đô thị đồng bộ, khang trang.

Về cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và không gian cảnh quan đô thị, Dự án trọng điểm là Cải tạo, nâng cấp đường ĐX.57 với tổng mức đầu tư khoảng 384 tỷ đồng, chiều dài tuyến gần 3 km, mặt cắt ngang rộng 52 m, được đầu tư đồng bộ (mặt đường bê tông nhựa, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng LED và dải phân cách). Cùng với tuyến đường, các công trình tạo điểm nhấn cảnh quan gồm Cổng chào tại nút giao Quốc lộ 39, tổng mức đầu tư khoảng 18 tỷ đồng, và Trụ đảo giao thông – trang trí tuyến đường ĐX.57, tổng mức đầu tư khoảng 12,6 tỷ đồng, góp phần hình thành tuyến giao thông có quy mô, cảnh quan và hình thức kiến trúc phù hợp với yêu cầu phát triển đô thị. Các dự án này không chỉ nâng cao năng lực giao thông mà còn tạo bộ mặt đô thị mới, tăng khả năng kết nối giữa các khu dân cư, khu vực sản xuất, thương mại – dịch vụ và các khu vực phát triển trong xã.

Về chỉnh trang các khu dân cư và phát triển không gian ở, xã Ân Thi đã từng bước đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư mới, đồng thời khai thác quỹ đất để tạo nguồn lực phục vụ phát triển hạ tầng. Tiêu biểu là các dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu đô thị mới trên quỹ đất kế thừa từ thị trấn Ân Thi cũ và các vùng mở rộng thuộc xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám. Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thành công tại các mặt bằng quy hoạch đã tạo nguồn thu lớn cho ngân sách để tái đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, nâng cao chất lượng không gian ở cho người dân.

Về chỉnh trang các công trình công cộng, văn hóa và cảnh quan, xã đã quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình có giá trị lịch sử, văn hóa phục vụ cộng đồng. Địa phương tập trung nguồn lực tôn tạo, chỉnh trang khuôn viên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và các công trình tâm linh trọng điểm nội xã.

Đối với di tích Đền Ân Thi (đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn), công tác chỉnh trang được triển khai chặt chẽ theo hướng kết hợp giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa tâm linh. Các tuyến đường kết nối trục trung tâm vào khu di tích được đầu tư, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước, góp phần nâng cao năng lực đón tiếp du khách thập phương, đặc biệt là trong dịp chuẩn bị Lễ hội Đền Ân Thi.

Về kết quả tổng thể, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Ân Thi đã tạo chuyển biến rõ nét. Việc đầu tư tuyến ĐX.57 với quy mô 384 tỷ đồng cùng các công trình cảnh quan phụ trợ cho thấy tư duy chỉnh trang đã chuyển dần từ đơn lẻ sang đầu tư theo tuyến, theo phân khu quy hoạch kết nối. Tuy nhiên, do mới hợp nhất từ 03 đơn vị hành chính, hạ tầng giữa vùng lõi thị trấn cũ và các khu vực nông thôn mới sáp nhập vẫn còn khoảng cách. Trong giai đoạn tới, xã sẽ bám sát lộ trình bồi đắp hạ tầng, hướng tới mục tiêu hoàn thiện các tiêu chí để thành lập xa Ân Thi đạt đô thị loại III vững chắc.

2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch

Công tác quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai và kiểm soát phát triển không gian theo quy hoạch trên địa bàn xã Ân Thi trong thời gian qua đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý trong quá trình đô thị hóa. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, xã đã tập trung kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước, tăng cường kiểm tra, giám sát tại cơ sở, đồng thời tiếp tục kế thừa và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các dự án đã được phê duyệt trên địa bàn. Công tác quản lý trật tự xây dựng được thực hiện gắn với quản lý đất đai, hành lang giao thông, hành lang thủy lợi và các khu vực có yêu cầu kiểm soát đặc biệt.

Trong quá trình phát triển, xã Ân Thi đang có tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, với sự xuất hiện của các dự án hạ tầng giao thông quy mô lớn như tuyến đường ĐX.57 (tổng mức đầu tư 384 tỷ đồng) kết nối với Quốc lộ 39. Sự đột phá về hạ tầng giao thông đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản lý đất đai, kiểm soát xây dựng và quản lý không gian khu vực dọc các tuyến trục chính này, nhằm bảo đảm các công trình xây dựng, khu dân cư và hoạt động sản xuất – kinh doanh phát triển đúng chức năng sử dụng đất và định hướng quy hoạch. Xã đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan đến đất đai, quy hoạch, bồi thường, giải phóng mặt bằng và các yêu cầu trong quá trình triển khai dự án.

Công tác kiểm tra, giám sát trật tự xây dựng tại cơ sở được tăng cường. UBND xã thường xuyên chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, ban quản lý các thôn mới sau khi thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn năm 2026 (giảm từ 29 thôn xuống còn 11 thôn) và các lực lượng liên quan nắm bắt tình hình xây dựng, kịp thời phát hiện những trường hợp có dấu hiệu vi phạm để kiểm tra, xử

lý theo thẩm quyền. Tại các khu vực đang có biến động lớn về đất đai và đầu tư xây dựng, đặc biệt là khu vực có các dự án dân cư mới và các tuyến giao thông lớn, yêu cầu quản lý xây dựng được đặt ra ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án, giải phóng mặt bằng và giao đất. Qua đó góp phần hạn chế tình trạng xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, xây dựng tự phát hoặc hình thành các công trình không phù hợp với định hướng tổ chức không gian.

Một trong những nội dung được địa phương đặc biệt chú trọng là kiểm soát xây dựng trên đất nông nghiệp và đất chưa được phép chuyển mục đích sử dụng. Trong các cuộc giao ban của xã, công tác quản lý đất đai và trật tự xây dựng được xác định là nhiệm vụ thường xuyên; chính quyền địa phương yêu cầu các trưởng thôn tăng cường giám sát, kiên quyết không để xảy ra tình trạng xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp. Đây là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh giá trị đất đai và nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất có xu hướng tăng do quá trình đô thị hóa nhanh tại các vùng nông thôn mới sáp nhập (Quang Vinh, Hoàng Hoa Thám trước đây).

Công tác quản lý xây dựng tại các khu dân cư mới được thực hiện gắn với quy hoạch và thiết kế được duyệt. Đối với các mặt bằng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật vừa đấu giá quyền sử dụng đất thành công trên địa bàn xã, các hộ trúng đấu giá được yêu cầu thực hiện xây dựng nhà ở theo đúng thiết kế và sơ đồ tổng mặt bằng quy hoạch được quy định trong phương án đấu giá. Quy định này tạo cơ sở để kiểm soát vị trí, quy mô, hình thức và các chỉ tiêu xây dựng của công trình, từng bước hình thành các khu dân cư có tổ chức, hạn chế tình trạng xây dựng tùy tiện và góp phần tạo lập cảnh quan đồng bộ.

Đối với các khu vực phát triển mới, công tác quản lý trật tự xây dựng được thực hiện theo nguyên tắc xây dựng phải phù hợp mục đích sử dụng đất, quy hoạch được duyệt và các quy định về quản lý kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật. Các dự án phát triển khu dân cư, giao thông, thương mại – dịch vụ khi triển khai đều phải thực hiện các thủ tục về đất đai, đầu tư, xây dựng và môi trường theo quy định. Việc kiểm soát từ khâu quy hoạch, giao đất, cho thuê đất, giải phóng mặt bằng đến triển khai xây dựng góp phần hạn chế phát sinh các công trình không phù hợp quy hoạch, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ giữa công trình xây dựng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Công tác quản lý hành lang giao thông, thủy lợi và các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình cũng được chú trọng. Với đặc điểm địa bàn có hệ thống sông, kênh mương và các khu vực tiêu thoát nước nội đồng, xã đã xây dựng và triển khai các phương án phòng chống úng và bảo vệ các công trình thủy lợi. Trong nhiệm vụ năm 2026, xã xác định cần kiên quyết xử lý các vi phạm về hành lang thoát nước và trật tự xây dựng, qua đó góp phần bảo đảm

an toàn công trình, lấn chiếm không gian thoát nước làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực.

Bên cạnh đó, việc triển khai các dự án giao thông lớn trên địa bàn cũng góp phần hình thành cơ sở để kiểm soát không gian xây dựng theo các tuyến và trục phát triển. Đối với các khu vực dọc tuyến ĐX.57 và Quốc lộ 39, xã có điều kiện tổ chức lại không gian xây dựng, kiểm soát chỉ giới, hành lang giao thông, vị trí đấu nối và từng bước hình thành các tuyến phố có cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Đây là yếu tố quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ không gian hành chính xã vùng nông thôn mở rộng sang không gian chính quyền đô thị, hạn chế tình trạng phát triển nhà ở và công trình sản xuất – kinh doanh manh mún dọc các tuyến đường.

Tuy nhiên, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn vẫn còn một số khó khăn và hạn chế. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, trong khi một bộ phận khu dân cư tại các xã nông thôn cũ mới sáp nhập có hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật và cấu trúc sử dụng đất chưa được tổ chức theo mô hình đô thị đồng bộ với vùng lõi thị trấn cũ. Sự gia tăng nhu cầu xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, sản xuất – kinh doanh có thể tạo áp lực lớn đối với công tác kiểm tra và kiểm soát xây dựng. Việc quản lý tại các khu vực giáp ranh giữa đất ở, đất nông nghiệp và các khu vực dự kiến phát triển dự án cần được tăng cường nhằm phòng ngừa việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng công trình không đúng quy hoạch. Thực tế tại các hội nghị giao ban của xã cho thấy công tác quản lý đất đai, tiến độ công trình xây dựng, giải phóng mặt bằng và trật tự xây dựng vẫn là những nội dung cần tiếp tục được tập trung chỉ đạo.

Trong giai đoạn tới, để đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hạ tầng khung và tiêu chuẩn đô thị loại III, xã Ân Thi cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch, trong đó lấy quy hoạch làm cơ sở chủ đạo để kiểm soát quá trình đầu tư xây dựng. Cần thường xuyên rà soát, công khai các đồ án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các khu vực được phép phát triển; xác định rõ các khu vực hạn chế xây dựng, khu vực bảo vệ hành lang giao thông, thủy lợi và các khu vực có yêu cầu bảo vệ cảnh quan. Đồng thời, tăng cường kiểm tra từ sớm, từ xa, đặc biệt tại các khu vực đang có tốc độ đô thị hóa cao, dọc tuyến ĐX.57, các khu dân cư mới và dọc các tuyến giao thông chính.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng cơ sở dữ liệu đất đai, bản đồ quy hoạch và chuyển đổi số trong quản lý xây dựng, từng bước xây dựng cơ chế theo dõi biến động đất đai và công trình xây dựng trên nền bản đồ số. Tăng cường phối hợp giữa UBND xã, các thôn sau sáp nhập, cơ quan chuyên môn và chủ đầu tư dự án; thực hiện công khai thông tin quy hoạch để người dân dễ tiếp cận và giám sát. Đối với các công trình vi phạm, cần thực hiện kiểm tra, lập hồ sơ và xử lý kịp

thời, bảo đảm tính nghiêm minh, tránh phát sinh vi phạm kéo dài hoặc hình thành điểm nóng về trật tự xây dựng.

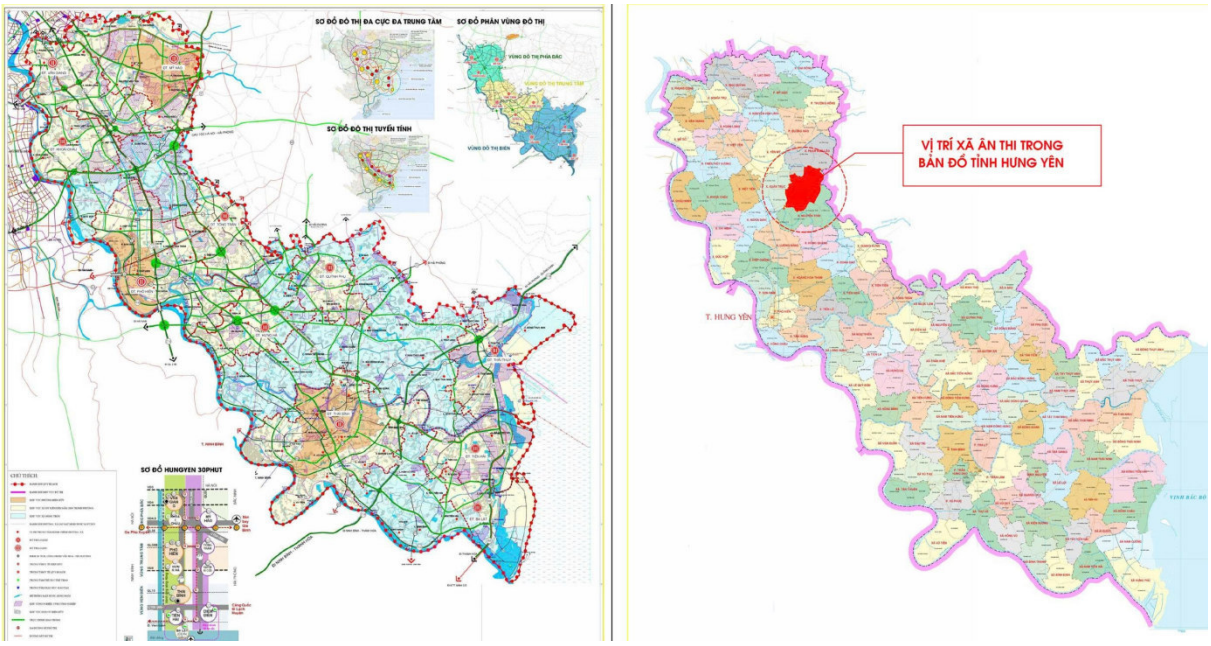
Ủy ban nhân dân xã phối hợp cùng Ban Chỉ đạo An toàn giao thông siết chặt quản lý trật tự đô thị, tổ chức ký cam kết giải tỏa hành lang giao thông, cấm họp chợ trái phép dọc hành lang Quốc lộ và đường tỉnh. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1036/CĐ-CTUBND và Kế hoạch 93A/KH-UBND của tỉnh về việc kiên quyết tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, hành lang thủy lợi, đê điều. Hệ thống quản lý đất đai dần đi vào nề nếp; trong năm 2025 đã cấp 415 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở lần đầu (diện tích 52.598,51 m²) và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thành công 125 suất, thu về 451.353 triệu đồng phục vụ tái đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị.

Nhìn chung, công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch trên địa bàn xã Ân Thi đã từng bước đi vào nền nếp, được gắn kết với quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, giao thông, thủy lợi và bảo vệ môi trường. Việc chính quyền địa phương xác định quản lý đất đai, trật tự xây dựng là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời tăng cường kiểm tra tại các khu vực có biến động lớn về đất đai và xây dựng, là cơ sở quan trọng để kiểm soát quá trình đô thị hóa. Trước yêu cầu phát triển hạ tầng đô thị sầm uất trong giai đoạn mới, công tác này cần tiếp tục được nâng cao về tính chuyên nghiệp, tính chủ động và ứng dụng công nghệ.

2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Ân Thi

2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Ân Thi thuộc Tiểu vùng trung tâm của huyện Ân Thi cũ, được định hướng phát triển đô thị và công nghiệp tập trung có trình độ, công nghệ sản xuất cao không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển một số tiểu khu du lịch dịch vụ, vui chơi giải trí và không gian nghỉ dưỡng tái tạo sức lao động phục vụ cư dân địa phương và du khách, quy hoạch hệ thống các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và được bổ sung một số khu vực theo yêu cầu mới, trên cơ sở lợi thế của hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Ân Thi còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Ân Thi có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực trung tâm huyện Ân Thi cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.



Hình 2: Vị trí mối liên hệ xã Ân Thi trong đô thị tỉnh Hưng Yên

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Ân Thi nằm ở khu vực trung tâm Vùng động lực phía Bắc, hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Ân Thi còn được định hướng phát triển thành xã đô thị trong giai đoạn đến năm 2030; trong đó, khu vực thị trấn Ân Thi (cũ) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V và nay là đô thị loại III tại Quyết định định số 610/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III và phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp tiếp theo

Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Với mục tiêu tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong những năm qua chính quyền và nhân dân xã Ân Thi đã nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội.

a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Cơ cấu kinh tế xã Ân Thi có chuyển biến tích cực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Ân Thi năm 2025 theo giá hiện hành đạt 3.349,80 tỷ đồng; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 1.656,0 tỷ đồng, thương mại - dịch vụ đạt 986,0 tỷ đồng, nông nghiệp - thủy sản đạt 707,8 tỷ đồng.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông nghiệp - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 29,43%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 49,44% và khu vực nông nghiệp - thủy sản chiếm 21,13% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Ân Thi năm 2025 đạt 697,858 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 560,706 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 214,354 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 289,724 tỷ đồng. Cân đối có dư.

c) Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 71,70 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 75 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,30 triệu đồng/người/năm.

d) Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Ân Thi là 0,74%, trong đó: năm 2023 là 1,42%, năm 2024 là 0,41% và năm 2025 là 0,39%.

đ) Phát triển các ngành, lĩnh vực

*** Sản xuất nông nghiệp**

Năm 2025, lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì phát triển ổn định, bảo đảm kế hoạch và tiến độ sản xuất đề ra. Công tác dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được triển khai chủ động; các

biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch. Tập trung chỉ đạo gieo cấy đúng lịch thời vụ, đúng cơ cấu giống; tăng cường chỉ đạo việc đưa các giống cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng được 2.197 ha, trong đó: Diện tích lúa vụ Xuân là 1.118 ha, đạt 96,5% KH (diện tích lúa chất lượng cao là 947,7 ha, chiếm 81,8% diện tích gieo cấy); diện tích lúa vụ Mùa là 1.079 ha, đạt 95,6% KH (lúa chất lượng cao là 890 ha, chiếm 82,4% diện tích gieo cấy). Năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 60 tạ/ha, sản lượng lúa cả năm ước đạt 13.109,2 tấn. Toàn xã có 109,56 ha diện tích cây ăn quả, sản lượng ước đạt 1.500 tấn.

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn xã ổn định. Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm được quan tâm, kiểm soát tốt, không có dịch bệnh xảy ra. Hiện nay, đàn trâu, bò ước 710 con, đạt 89,1% KH; đàn lợn ước đạt 6.580 con, đạt 62,74% KH; đàn gia cầm ước trên 100.000 con, đạt 39,7% KH. Diện tích nuôi trồng thủy sản là 144,24 ha, sản lượng thủy sản thu hoạch ước đạt 1.800 tấn. Sản phẩm nuôi trồng phần lớn vẫn là những giống cá trắm, chép, trôi, rô phi,... cho năng suất cao, có giá trị thị trường.

Tổ chức tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân - Hè và vụ Thu - Đông năm 2025 đảm bảo đúng kế hoạch và hướng dẫn. Các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp an toàn sinh học, chủ động chống nóng, chống rét cho đàn gia súc, gia cầm. Tổ chức phun 250 lít thuốc khử trùng cho 225.000m^2 chuồng trại chăn nuôi, đường làng, ngõ xóm, chợ, bãi rác.

Hệ thống thủy lợi nội đồng được quan tâm đầu tư, duy tu và nạo vét thường xuyên, bảo đảm khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp. Công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được triển khai chủ động; các phương án, kế hoạch ứng phó với bão, lũ, ngập úng được xây dựng và tổ chức thực hiện kịp thời, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: Ủy ban nhân dân xã luôn quan chỉ đạo nâng cao các tiêu chí của nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu, hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, phát triển nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững.

***Kinh tế thương mại – dịch vụ**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Ân Thi tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp. Địa phương tập trung khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi thu hút khối kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp đầu tư vào phân khu quy hoạch. Đồng thời, bám sát mục tiêu phát triển trung hạn với chỉ tiêu thu hút và thành lập mới

bình quân 12 doanh nghiệp/năm, tạo nền tảng nâng cao nguồn thu ngân sách vững chắc và giải quyết việc làm ổn định cho người lao động.

Hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục bứt phá mạnh mẽ, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân. Hệ thống cơ sở kinh doanh, dịch vụ ngày càng được mở rộng, đa dạng về loại hình và nâng cao chất lượng phục vụ, đặc biệt là tại vùng lõi trung tâm kết nối trục hành lang công nghiệp - đô thị. Công tác quản lý thị trường, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa được thực hiện hiệu quả, góp phần ổn định thị trường và đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, du khách trong các dịp cao điểm và mùa Lễ hội truyền thống trên địa bàn.

Các ngành nghề truyền thống, kinh tế nông thôn được định hướng tái cơ cấu căn cơ theo hướng phát triển bền vững. Xã tập trung xây dựng các vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm OCOP địa phương, hình thành các mô hình nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn. Định hướng này không chỉ giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng mà còn nâng cao chất lượng, phát triển các nghề thủ công, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong quá trình đô thị hóa.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh được quan tâm đầu tư, nâng cấp đồng bộ. Nguồn cung cấp điện và hạ tầng viễn thông trên địa bàn được bảo đảm ổn định, từng bước triển khai chỉnh trang và ngầm hóa mạng lưới cáp tại khu vực trung tâm. Sự đồng bộ hạ tầng này đáp ứng đầy đủ năng lực vận hành của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cũng như nhu cầu sinh hoạt của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi chuyển đổi sang mô hình xã Ân Thi thông minh, hiện đại.

*Kinh tế công nghiệp và xây dựng

- Công nghiệp:

Trên địa bàn xã có 05 khu công nghiệp trong quy hoạch và khu công nghiệp có tiềm năng dự kiến thành lập mới giai đoạn 2021 - 2030 được Chính phủ chấp thuận tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024. Hiện khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám đã được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 về việc quyết định chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; khu công nghiệp Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám đã được UBND tỉnh tiếp nhận tài trợ kinh phí và nhà đầu tư lập quy hoạch; các khu công nghiệp khác đang trong quá trình lập quy hoạch, lập dự án đầu tư đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt. 01 Cụm công nghiệp chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, đến nay đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tiến độ đạt trên 70%, cụm đã thu hút 02 nhà đầu tư thứ cấp có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vào cụm.

- Xây dựng cơ bản: Trong những năm qua, sự phát triển của các ngành kinh tế cùng với sự quan tâm và đầu tư trên địa bàn, nhiều công trình được nâng cấp, xây dựng đã tạo điều kiện cho sự phát triển của ngành xây dựng cơ bản ở trên địa bàn thị xã Ân Thi.

- Hiện trên địa bàn xã có 28 công trình, dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đang thực hiện các bước tiếp theo để triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội

a) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn. Việc tổ chức lễ hội đầu năm được diễn ra an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Duy trì công tác quản lý nhà nước đối với các di tích; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng các di tích lịch sử văn hòa trên địa bàn.

Tuyên truyền mừng Đảng, mừng Xuân, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, sự kiện chính trị; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, cảnh giác với các thông tin sai sự thật. Triển khai kế hoạch xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước làng văn hóa, phố văn hóa theo Nghị định 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ, hướng dẫn, phê duyệt, và ban hành 05 bản quy ước của các phố, 24 bản hương ước của các thôn và đưa vào thực hiện. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị sự nghiệp thực hiện tốt phong trào văn hoá, văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao, xây dựng nếp sống văn minh góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tỷ lệ gia đình văn hóa năm 2025 là 8.488/9.010 hộ, đạt 94.2%; 17/29 thôn được công nhận danh hiệu thôn văn hóa, đạt 58,6%.

Tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích; tổ chức các Lễ hội truyền thống trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp Nhân dân. Toàn xã có 07 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích được xếp hạng di tích quốc gia, 06 di tích xếp hạng cấp tỉnh.

Tăng cường viết tin, bài trên hệ thống truyền thanh và các chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử của xã. Nội dung tuyên truyền Đề án 06, cải cách hành chính, chuyển đổi số, vận động Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chính sách, của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương.

Triển khai công tác chuyển đổi số, thực hiện chữ ký số cá nhân trên phần mềm quản lý văn bản. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác cải cách hành chính và điều hành quản lý. Xây dựng và áp dụng Hệ thống

Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn xã.

Cùng với đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và công tác tuyên truyền từng bước được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Hệ thống thông tin cơ sở hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, quản lý và phục vụ cộng đồng dân cư trong điều kiện phát triển đô thị. Nhìn chung, công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý hoạt động văn hóa trên địa bàn được thực hiện hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân.

b) Công tác chính sách an sinh xã hội:

Công tác lao động, người có công và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo đảm ổn định xã hội và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng theo quy định của Nhà nước.

Nhân dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, UBND xã tổ chức thăm và tặng 846 suất quà của Chủ tịch nước, quà của UBND tỉnh, quà của UBND huyện đến các gia đình chính sách và người có công với số trị giá là 782,7 triệu đồng, 60 suất quà cho đối tượng là hộ nghèo trị giá là 26,7 triệu đồng, 38 suất quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trị giá 23,7 triệu đồng. Quà chúc thọ mừng tết nguyên đán là 881 suất với số tiền là 293,3 triệu đồng.

Nhân dịp kỉ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, UBND xã tổ chức thăm và tặng 822 suất qùa của Chủ tịch nước đến các gia đình chính sách và người có công với số tiền là 411 triệu đồng.

Triển khai chi trả lương cho người có công và bảo trợ xã hội qua tài khoản. Đến tháng 11/2025, đã tổ chức chi trả lương cho đối tượng BTXH qua tài khoản là 1.357 người/1.462 người, đạt 92,81%; chi trả cho đối tượng người có công là 503 người/516 người, đạt 98,05%. Chi trả trợ cấp thờ cúng năm 2025 cho 428 đối tượng với số tiền là 599,2 triệu đồng.

Tiếp nhận và giải quyết trước hạn 14 hồ sơ mai táng phí người có công, 04 hồ sơ để nghị thờ cúng liệt sĩ, 02 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ chất độc hóa học, 01 hồ sơ đề nghị bệnh binh, 08 hồ sơ đề nghị cấp lại bằng tổ quốc ghi công.

Đề nghị cho 07 đối tượng là thương binh 81% nhận quà tặng của tập đoàn Vingroup mỗi suất trị giá 20 triệu đồng.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, cận nghèo và đối

tượng yếu thế. Toàn xã có 08 hộ được hỗ trợ (trong đó: xây mới 06 hộ, sửa chữa 02 hộ). Các hộ đều đảm bảo tiến độ xây dựng và giải ngân thanh toán xong trước ngày 31/5/2025.

Nhìn chung, hệ thống chính sách an sinh xã hội trên địa bàn được thực hiện hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ lao động có việc làm cao, các đối tượng chính sách và đối tượng yếu thế được chăm lo đầy đủ. Đây là nền tảng quan trọng góp phần bảo đảm ổn định xã hội, nâng cao chất lượng dân cư.

c) Công tác y tế:

Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã đã ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, lộ trình BHYT toàn dân. Tiếp nhận hồ sơ tăng mới thẻ BHYT đối tượng từ đủ 60 tuổi trở lên 09 đối tượng.

Các hoạt động khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã được duy trì. Chủ động ban hành các Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã. Tăng cường công tác quản lý các cơ sở hành nghề y ngoài công lập; yêu cầu các cơ sở kinh doanh thuốc, các cơ sở hành nghề y tư nhân ngừng kinh doanh, sử dụng những thuốc cấm lưu hành, các thực phẩm, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc không có số đăng ký, những thuốc bị thu hồi do không đạt các tiêu chuẩn theo quy định hoặc có phản ứng có hại. Hiện chưa phát hiện thuốc cấm lưu hành trên địa bàn xã.

Tiêm chủng mở rộng với các mũi tiêm: Lao 131 mũi; IPV 376 mũi; DPT 183 mũi; sởi 131 mũi; bạch hầu - ho gà - uốn ván 279 mũi… dự kiến khoảng 1.861 liều Vitamin cho trẻ uống ngày 01/6. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được quan tâm, các bà mẹ được khám thai hàng tháng và được tiêm phòng trước sinh. Thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Tích cực tuyên truyền, vận động thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng trong độ tuổi. Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Nhìn chung, hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn đã đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của cộng đồng dân cư, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm an sinh xã hội và tạo nền tảng quan trọng cho phát triển của địa phương.

d) Công tác giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch tương đối đồng bộ, bảo đảm nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng đạt chuẩn và hiện đại.

Xã Ân Thi hiện có hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh và ổn định, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của người dân từ bậc Mầm non đến phổ thông. Trên địa bàn xã có: 03 trường THPT, 04 trường mầm non công lập, 04 cơ sở giáo dục mầm non tư thục, 01 trường THCS, 01 trường Tiểu học, 03 trường liên cấp TH&THCS và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Các nhà trường trên địa bàn xã đã thực hiện đầy đủ chương trình dạy và học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả dạy và học nhiều tiến bộ. Chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục toàn diện của xã không ngừng được nâng lên; công tác giáo dục đạo đức, kỷ cương nền nếp trong các hoạt động giáo dục được chú trọng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên được tăng cường. 100% giáo viên mầm non, phổ thông của xã đạt chuẩn trình độ đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư; 100% các trường Mầm non, phổ thông của xã đều được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2). Kết quả phổ cập giáo dục (PCGD) luôn được duy trì ổn định trong nhiều năm: Đạt chuẩn PCGD Mầm non, đạt PCGD Tiểu học mức độ III, đạt PCGD THCS đạt mức độ III.

Chất lượng giáo dục mũi nhọn có nhiều thành tích: bậc Tiểu học có 06 giáo viên đạt danh hiệu "giáo viên dạy giỏi" cấp huyện; bậc THCS có 02 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 07 giáo viên dạy giỏi cấp huyện. Thi học sinh giỏi khối lớp 9 cấp tỉnh, học sinh xã Ân Thi đạt 27/36 tổng số giải học sinh giỏi của huyện Ân Thi cũ (trong đó: 02 giải nhất, 8 giải nhì, 9 giải ba, 8 giải khuyến khích). Thi tìm hiểu an toàn giao thông vì nụ cười ngày mai cấp quốc gia đạt 01 giải khuyến khích; thi IOE cấp Quốc gia có 03 học sinh đạt giải (01 huy chương Bạc, 02 giải khuyến khích). Hội thi Nhí IOV có 24 em đạt giải cấp tỉnh, trạng nguyên Tiếng Việt có 44 em đạt giải cấp tỉnh. Các cuộc thi kiến thức trên mạng internet như: IOE, VIOEDU được các nhà trường tích cực hưởng ứng tạo sân chơi kiến thức lành mạnh, bổ ích, học sinh xã Ân Thi đạt được nhiều giải thường cấp tỉnh, cấp huyện. Giải điền kinh học sinh phổ thông tỉnh Hưng Yên đạt: 01 huy chương Bạc, 02 huy chương Đồng (khối THCS); giải cầu lông Tiểu học có 02 em đạt giải nhì cấp tỉnh.

Kết thúc năm học 2024 - 2025, các trường Mầm non đã bàn giao 440/440 cháu hoàn thành chương trình học lớp 5 tuổi cho trường Tiểu học, đạt 100%;

526/526 học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học, đạt 100%. Số học sinh lớp 9 được xét công nhận tốt nghiệp THCS là 479/479 em, đạt 100% (trong đó đợt 1 là 464/479, đạt tỷ lệ 96.9%). Tỉ lệ học sinh đỗ vào lớp 10 công lập là 320/464 em, đạt 69%.

Kỳ thi năm 2025, xã Ân Thi có 157 học sinh đỗ vào các trường Cao đẳng, Đại học; UBND xã tổ chức Hội nghị gặp mặt tuyên dương, tặng quà 77 em học sinh đỗ Đại học có thành tích cao năm 2025, với số tiền 38,5 triệu đồng.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, tăng cường; tiềm lực quốc phòng địa phương từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt chế độ trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; chủ động xây dựng và củng cố lực lượng dân quân tự vệ, mô hình học cụ, giáo án bài giảng, thao trường bãi tập; tổ chức tốt công tác huấn luyện đảm bảo số lượng, chất lượng. Kết thúc huấn luyện kiểm tra đánh giá chất lượng 100% đạt yêu cầu trong đó có trên 80% khá và giỏi.

Làm tốt công tác đăng ký khám tuyển nghĩa vụ quân sự (NVQS). Tuyển chọn và bàn giao 45 thanh niên đủ điều kiện lên đường nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành chỉ tiêu trên giao. Tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho thanh niên tuổi 17 được 175/213 thanh niên, đạt 82,1%. Di chuyển nghĩa vụ quân sự cho 132 công dân đủ điều kiện di chuyển. Xây dựng kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2026, thành lập Hội đồng NVQS và làm tốt công tác rà soát nguồn trong

năm. Tổng thanh niên trong độ tuổi NVQS là 1.081 người, trong đó đối tượng tạm hoãn là 324 người, đủ điều kiện gọi nhập ngũ là 757 người. Kết quả khám sơ tuyển NVQS có 327/348 công dân được phát lệnh đi khám, đạt tỷ lệ 94%; 166/168 công dân tham gia khám tuyển, đạt tỷ lệ 98,8%.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Lực lượng vũ trang xã duy trì tổ chức tuần tra canh gác nắm tình hình cơ sở, bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt. Thường xuyên bảo quản vũ khí trang bị theo biên chế, không để hư hỏng, thất thoát.

Tình hình an ninh trật tự cơ bản ổn định. Công an xã đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch; triển khai thực hiện đề án chuyển hóa, xây dựng xã trên địa bàn xã không có ma túy, giai đoạn 2025 - 2030. Tình hình an ninh nông thôn vẫn xảy ra việc công dân đến UBND tỉnh để khiếu kiện liên quan về đất đai, liên kết với các công dân khiếu kiện ở các xã để tổ chức thành nhóm đi khiếu kiện (trước khi sáp nhập), gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Năm 2025, trên địa bàn xã xảy ra 14 vụ về trật tự an toàn xã hội, trong đó: 01 vụ chết không rõ nguyên nhân, 03 vụ trộm cắp tài sản, 04 vụ phạm tội về ma túy, 01 vụ hủy hoại tài sản, 03 vụ tai nạn giao thông, 02 vụ gây rối trật tự công cộng. Công an xã đã xác minh giải quyết. Đã xử phạt vi phạm hành chính 120 trường hợp về đăng ký, quản lý cư trú, 06 trường hợp vi phạm về lĩnh vực môi trường, 14 trường hợp vi phạm về phòng cháy chữa cháy, 06 trường hợp vi phạm đến lĩnh vực kinh tế, 21 trường hợp vi phạm an toàn giao thông, xử phạt vi phạm hành chính 07 trường hợp sử dụng ma túy trái phép.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 như: Cấp tài khoản Định danh mức 2, làm sạch dữ liệu dân cư, dữ liệu ADN, dữ liệu phương tiện giao thông, dữ liệu đất đai... Giải quyết thủ tục hành chính trên Dịch vụ công trực tuyến: Đăng ký thường trú 745/745 hồ sơ; đăng ký tạm trú 102/102 hồ sơ; đăng ký phương tiện giao thông 1.525/1.525 hồ sơ.

2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động

2.5.3.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an xã Ân Thi cung cấp, xã Ân Thi có quy mô dân số là 30.925 người, trong đó dân số thường trú là 30.550 người và dân số tạm trú là 375 người.

Trên địa bàn xã Ân Thi chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp,

dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã. Dân cư xã Ân Thi phần lớn làm nông nghiệp một phần kết hợp với công nghiệp, dịch vụ.

2.5.3.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên đạt 1.268 người/km^2. Mật độ dân số trên địa bàn xã phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm, các trục đường chính thì mật độ cao hơn . Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Ân Thi là 2.437,7 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị 741,61 ha chiếm 30,42% và đất khác 1.696,09ha chiếm 69,58%. Hiện trạng sử dụng đất xã Ân Thi, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Thống kê hiện trạng sử dụng đất xã Ân Thi năm 2025

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất tự nhiên	**2.437,70**	**100,00**
A	**Đất xây dựng đô thị**	**741,61**	**30,42**
I	***Đất dân dụng***	***488,63***	**20,04**
1	Đất ở	290,77	11,93
2	Đất công trình công cộng	35,09	1,44
3	Đất cây xanh công cộng	34,50	1,42
4	Đất giao thông đối nội	128,27	5,26
II	***Đất ngoài dân dụng***	***252,976***	**10,38**
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	89,08	3,65
2	Giao thông đối ngoại	15,20	0,62
3	Đất cơ quan, trụ sở	5,73	0,24
4	Đất công trình thuỷ lợi	94,53	3,88
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	36,53	1,50
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7,29	0,30
7	An ninh quốc phòng	4,61	0,19
B	**Đất khác**	**1.696,09**	**69,58**

1	Đất nông nghiệp	1.646,06	67,53
2	Đất bằng chưa sử dụng	0,33	0,01
3	Đất có mặt nước chuyên dùng	49,509	2,03
4	Đất khác	0,19	0,01

Nguồn: UBND xã Ân Thi

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 16.354 người, chiếm 52,88% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 14.300 người, chiếm tỷ lệ 87,44% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông nghiệp và thủy sản là 4.005 người, chiếm tỷ lệ 28,01%; lao động công nghiệp và xây dựng là 6.250 người, chiếm tỷ lệ 43,71%; lao động thương mại - dịch vụ là 4.045 người, chiếm tỷ lệ 28,29%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 10.295 người, chiếm tỷ lệ 71,99%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Ân Thi.

2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng nhà ở

Nhà ở trên địa bàn xã Ân Thi có quá trình hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử cư trú lâu đời của các khu dân cư thuộc 03 đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh và xã Hoàng Hoa Thám) trước khi sắp xếp hợp nhất. Hiện nay, nhu cầu về nhà ở và phát triển các không gian cư trú đô thị ngày càng tăng cao, đặc biệt trong bối cảnh địa phương đang đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, phát triển hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ công nghệ cao và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất sang đất xây dựng đô thị đạt 7,51 km² (trong đó đất ở chiếm 2,91 km²) đang thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng xây dựng các công trình kiến trúc kiên cố, cao tầng hiện đại. Tuy nhiên, công tác phát triển kiến trúc đô thị thời gian qua vẫn cần được tăng cường định

hướng, quy hoạch chặt chẽ để xây dựng thẩm mỹ đô thị hài hòa, giữ gìn bản sắc và hình ảnh riêng cho đô thị tương lai.

Về nhà ở hiện hữu, phần lớn nhà ở trên địa bàn được hình thành tập trung trong các khu dân cư truyền thống, dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn và các trục giao thông chính. Những năm gần đây, cùng với quá trình phát triển kinh tế và xây dựng nông thôn mới, chất lượng nhà ở được cải thiện rõ rệt. Nhiều khu vực đã xuất hiện các công trình nhà ở kiên cố, nhà cao tầng có kiến trúc hiện đại; đường giao thông trong khu dân cư được cải tạo, mở rộng, cảnh quan từng bước được chỉnh trang. Thực tế tại địa phương cho thấy diện mạo nhiều khu dân cư đã có sự thay đổi theo hướng khang trang, văn minh hơn; một số khu dân cư đã đạt các tiêu chuẩn cao của chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó thôn Bãi Sậy 2 được công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.



Hình 3: Hiện trạng nhà ở trên địa bàn xã Ân Thi

Cơ cấu nhà ở trên địa bàn xã Ân Thi đang có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ nhà ở truyền thống sang nhà ở kiên cố, nhà ở kết hợp kinh doanh và nhà ở theo các khu dân cư đô thị được quy hoạch đồng bộ. Dọc các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 38, ĐT.376, ĐT.386 và khu vực trung tâm thị trấn Ân Thi (cũ), nhà ở thường kết hợp cửa hàng, dịch vụ, văn phòng và các hoạt động kinh doanh hộ gia đình. Xu hướng này hoàn toàn phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế (khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ hiện chiếm 78,87%) và tốc độ đô thị hóa nhanh, song đồng thời đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý kiến trúc, mật độ xây dựng, khoảng lùi, đấu nối giao thông và cảnh quan tuyến phố.

Về chất lượng và hình thức kiến trúc nhà ở, nhìn chung nhà ở trên địa bàn ngày càng được kiên cố hóa; diện tích đất xây dựng đô thị đạt 7,51 km², trong đó đất ở đạt 2,91 km² với tiện nghi sinh hoạt không ngừng được nâng cao. Một bộ phận lớn nhà ở tại khu vực trung tâm đã chuyển sang dạng nhà từ 2–4 tầng, nhà phố hiện đại, phù hợp với đặc điểm quy mô dân số 30.925 người với mật độ tập trung tương đối cao. Tuy nhiên, giữa các khu vực sáp nhập vẫn còn sự khác biệt về chất lượng kiến trúc và hạ tầng. Các khu dân cư cũ còn tồn tại tình trạng nhà ở xây dựng theo từng thời kỳ, hình thức kiến trúc chưa đồng

nhất; một số tuyến đường trong khu dân cư có mặt cắt nhỏ, thiếu vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước đồng bộ. Đây là vấn đề cần tiếp tục được giải quyết triệt để khi chuyển dịch toàn diện từ mô hình quản lý nông thôn sang bộ máy chính quyền đô thị (xã thuộc tỉnh).

Về quản lý và phát triển quỹ đất ở, địa phương đã thực hiện công khai, minh bạch thông qua việc lập phương án và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; trong năm 2025 đã tổ chức đấu giá thành công 125 suất với số tiền trúng đấu giá đạt 451.353 triệu đồng. Các khu đất đấu giá được xác định trên cơ sở dự án hạ tầng kỹ thuật và tổng mặt bằng quy hoạch, hình thành các không gian cư trú có hệ thống đường giao thông và phân lô đồng bộ, tạo thuận lợi cho công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc và cung cấp dịch vụ đô thị.

Tuy nhiên, hiện trạng phát triển nhà ở vẫn còn một số hạn chế. Nhà ở tại các khu dân cư truyền thống chủ yếu hình thành tự nhiên, chưa đồng bộ về mật độ, tầng cao, khoảng lùi. Một số khu vực còn thiếu không gian cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe và các thiết chế công cộng phục vụ dân cư. Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp trọng điểm trên địa bàn như KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám sẽ làm gia tăng cơ học dòng lao động phi nông nghiệp, tạo áp lực lớn lên nhu cầu nhà ở và hạ tầng kỹ thuật trong dài hạn.

Trong giai đoạn tới, định hướng phát triển nhà ở của xã Ân Thi sẽ tập trung gắn liền với tiến trình nâng cấp đô thị loại III. Ưu tiên phát triển các khu dân cư mới có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bố trí quỹ đất di dời mồ mả, giải phóng mặt bằng đồng bộ (như dự án đường Tân Phúc - Võng Phan); từng bước chỉnh trang, cải tạo các khu dân cư hiện hữu; kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng nhà ở tự phát dọc các trục hành lang công nghiệp – đô thị – dịch vụ chính của tỉnh Hưng Yên.

b) Cơ quan hành chính

Hệ thống công trình trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Ân Thi đã được ổn định và tổ chức sắp xếp hợp lý, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hai cấp hiện tại. Hệ thống cơ sở hạ tầng hành chính này hoàn toàn đáp ứng yêu cầu làm việc, giao dịch dân sự và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho quy mô dân số 30.925 người, đồng thời giữ vai trò hạt nhân lõi trong việc định hình không gian kiến trúc trung tâm hành chính – chính trị – đô thị của địa phương.



Hình 4: Một số công trình trụ sở cơ quan hành chính trên địa bàn xã Ân Thi

Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Ân Thi hiện hữu là công trình hành chính trọng điểm nhất. Khi chuyển đổi sang mô hình chính quyền đô thị, xã Ân Thi thực hiện phương án giữ nguyên trạng hệ thống trụ sở làm việc sẵn có nhằm bảo đảm tính kế thừa tối đa, vận hành liên tục và không làm gián đoạn việc giải quyết thủ tục hành chính của nhân dân, doanh nghiệp. Trụ sở trung tâm được đầu tư đồng bộ với tầng cao từ 2 - 4 tầng, mật độ xây dựng 25 – 30%, kết cấu kiên cố và trang bị hiện đại. Đây là nơi bố trí không gian làm việc tối ưu cho Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn tinh gọn như Văn phòng HĐND và UBND, phòng Văn hóa - Xã hội, phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (được thành lập mới trên cơ sở phòng Kinh tế) cùng hệ thống hạ tầng số Ân Thi tại Trung tâm Phục vụ hành chính công địa phương.

Bên cạnh khối trụ sở hành chính tập trung, các cơ sở hạ tầng công thuộc khối tổng thể của các đơn vị hành chính cũ trước khi sáp nhập (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám) được rà soát và điều chuyển công năng một cách khoa học. Địa phương tận dụng triệt để các cơ sở này để bố trí làm không gian hoạt động cho 12 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, bao gồm trạm y tế cấp xã, Trung tâm dịch vụ tổng hợp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và hệ thống các trường học. Phương án bố trí này giúp tối ưu hóa giá trị tài sản công hiện có, hạn chế tối đa việc đầu tư xây dựng mới bằng ngân sách trong ngắn hạn, đồng thời tạo mạng lưới cung ứng dịch vụ công, thiết chế công cộng đa chức năng, đáp ứng hoàn hảo các tiêu chuẩn hạ tầng đô thị loại III và định hướng phát triển xã đô thị thông minh, văn minh trong giai đoạn tới.





Hình 5: Trụ sở công trình Đảng ủy, HĐND, UBND xã Ân Thi

Về vị trí và khả năng tiếp cận, hệ thống trụ sở cơ quan cơ bản được bố trí tại các khu vực dân cư tập trung, gần các tuyến giao thông chính và thuận lợi cho việc đi lại của người dân. Tuy nhiên, do địa bàn xã được hình thành từ nhiều khu vực dân cư trước đây, khoảng cách tiếp cận giữa một số thôn với trung tâm hành chính xã còn tương đối lớn. Vì vậy, trong giai đoạn tiếp theo cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối, tổ chức các điểm cung cấp dịch vụ công phù hợp và đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số để giảm nhu cầu đi lại của người dân.

Về chất lượng công trình và cơ sở vật chất, các trụ sở cơ quan hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu làm việc thường xuyên. Một số công trình đã được đầu tư xây dựng hoặc cải tạo trong những năm gần đây, có hệ thống phòng làm việc, phòng họp, khu vực tiếp công dân và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên, do được xây dựng ở nhiều thời kỳ khác nhau nên chất lượng, quy mô, kiến trúc và mức độ đồng bộ của các công trình còn không đồng đều. Một số cơ sở cần tiếp tục cải tạo hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, khu vực đỗ xe, cây xanh và cảnh quan để đáp ứng tốt hơn yêu cầu hoạt động của một đơn vị hành chính có quy mô dân số lớn.

Nhìn chung, hệ thống công trình trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Ân Thi cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền và cung cấp dịch vụ hành chính cho người dân, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống công trình công cộng và cấu trúc không gian trung tâm của xã. Tuy nhiên, hệ thống hiện còn phân tán, được hình thành qua nhiều giai đoạn và có sự khác biệt về chất lượng cơ sở vật chất. Trong quá trình phát triển đô thị, cần tiếp tục rà soát, sắp xếp và khai thác hiệu quả quỹ nhà, đất công; ưu tiên cải tạo khu vực trụ sở trung tâm; nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy, bãi đỗ xe và cảnh quan; đồng thời chuyển đổi hợp lý các cơ sở dôi dư sang các chức năng công cộng thiết yếu.

Trong giai đoạn đến năm 2030 và định hướng dài hạn, cần tổ chức hệ thống trụ sở cơ quan theo hướng tập trung, hiện đại, thuận tiện, xanh và số hóa, gắn với trung tâm hành chính – dịch vụ đô thị. Việc bố trí các công trình cần bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông chính và các khu

dân cư; đồng thời tạo lập không gian công cộng có chất lượng, góp phần nâng cao hình ảnh và cảnh quan khu vực trung tâm.

c) Công trình Y tế

Về mạng lưới cơ sở y tế, trên địa bàn hiện có Trạm Y tế xã Ân Thi giữ vai trò cơ sở trung tâm. Ngoài ra, hệ thống y tế cơ sở còn ghi nhận các điểm trạm y tế tại những khu vực thuộc các đơn vị hành chính cũ trước khi sắp xếp sáp nhập bao gồm: Cơ sở y tế khu vực xã Quang Vinh cũ và Cơ sở y tế khu vực xã Hoàng Hoa Thám cũ. Việc duy trì và điều chuyển công năng các cơ sở này có ý nghĩa chiến lược trong việc bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cư dân trên địa bàn rộng, phục vụ tốt cho quy mô dân số 30.925 người, đồng thời tạo điều kiện từng bước tổ chức lại mạng lưới y tế cơ sở tinh gọn, đồng bộ với cấu trúc không gian đô thị mới của địa phương.

Về chức năng phục vụ, Trạm Y tế xã Ân Thi đang thực hiện toàn diện và có hiệu quả các nhiệm vụ y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, lộ trình BHYT toàn dân. Trong năm 2025 và đầu năm 2026, Trạm đã duy trì hiệu quả công tác khám, chữa bệnh, chủ động triển khai các kế hoạch phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, tổ chức tiêm chủng mở rộng an toàn (đạt chỉ tiêu tiêm Lao 131 mũi, IPV 376 mũi, DPT 183 mũi, sởi 131 mũi, bạch hầu - ho gà - uốn ván 279 mũi và cấp khoảng 1.861 liều Vitamin cho trẻ em). Công tác quản lý các cơ sở hành nghề y dược tư nhân ngoài công lập, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng thuốc cấm lưu hành hay ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.



Hình 6: Hiện trạng công trình Trạm y tế xã Ân Thi

Về cơ sở vật chất và công trình, hệ thống trạm y tế cơ bản đáp ứng đầy đủ điều kiện kỹ thuật để phục vụ khám chữa bệnh ban đầu, quản lý sức khỏe cộng đồng và giữ vững danh hiệu xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tuy nhiên, do các cơ sở được hình thành ở nhiều thời kỳ khác nhau, quy mô và mức độ đồng bộ về trang thiết bị giữa các điểm trạm cũ dôi dư còn chưa đồng đều. Trong lộ trình nâng cấp đô thị loại III giai đoạn tới, địa phương sẽ tiếp tục rà soát hiện trạng, tối ưu hóa công năng sử dụng đất và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ sở,

phấn đấu đạt mục tiêu 10 bác sỹ/1 vạn dân và tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số vào năm 2030.

Về khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, hệ thống y tế hiện tại của địa phương có ưu điểm vượt trội là đã được tổ chức lại thống nhất dưới sự quản lý của Trạm Y tế xã Ân Thi. Đồng thời, mạng lưới cơ sở tại các khu vực sáp nhập (Quang Vinh cũ và Hoàng Hoa Thám cũ) vẫn tiếp tục được duy trì hiệu quả, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ an sinh y tế thông suốt cho người dân. Tuy nhiên, xã Ân Thi đang có quy mô dân số lớn với 30.925 người và tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ dọc các trục hành lang công nghiệp – đô thị – dịch vụ chính. Đặc biệt, sự hình thành và phát triển của các dự án công nghiệp quy mô lớn như KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám đang thu hút mạnh mẽ một lượng lớn lực lượng lao động phi nông nghiệp và các đối tượng tạm trú về địa bàn sinh sống, làm việc. Thực tế này làm phát sinh nhu cầu cực kỳ lớn về chăm sóc sức khỏe, điều trị bệnh lý chuyên sâu và quản lý y tế dự phòng, đòi hỏi năng lực của hệ thống y tế hiện hữu phải liên tục được nâng cấp mạnh mẽ cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cũng như khả năng xử lý cấp cứu ban đầu theo mô hình chính quyền đô thị.

Các hoạt động y tế hàng năm luôn được triển khai tích cực, đồng bộ và đạt nhiều kết quả vững chắc. Chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế và phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm được kiểm soát chặt chẽ, không để xảy ra dịch bệnh lớn hay xuất hiện các loại thuốc cấm lưu hành trên địa bàn. Trạm Y tế xã đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu gắn liền với Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, lộ trình BHYT toàn dân. Minh chứng thực tế trong giai đoạn 2025 – 2026, Trạm đã triển khai tiêm chủng mở rộng an toàn với 131 mũi Lao, 376 mũi IPV, 183 mũi DPT, 131 mũi sởi, 279 mũi bạch hầu - ho gà - uốn ván và tổ chức cấp bổ sung khoảng 1.861 liều Vitamin cho trẻ em cộng đồng. Công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh và các điểm trường học được thực hiện nghiêm túc, duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên luôn dưới mức 1%.

Trong giai đoạn tới, gắn liền với lộ trình thành lập xã đô thị và nâng cấp đô thị đạt tiêu chí loại III, địa phương định hướng tiếp tục giữ vững danh hiệu xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tập trung nâng cao chất lượng chuyên môn hành nghề, đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại cho trạm trung tâm và các điểm trạm dôi dư điều chuyển công năng. Từng bước xã hội hóa dịch vụ y tế chất lượng cao, phấn đấu đạt chỉ tiêu chiến lược 10 bác sỹ/1 vạn dân và tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số vào năm 2030, đáp ứng trọn vẹn nhiệm vụ quản lý sức khỏe cộng đồng trong kỷ nguyên phát triển mới

d) Công trình giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Ân Thi được kế thừa vững chắc từ mạng lưới trường học của các đơn vị hành chính cũ trước khi sắp xếp, hiện đã đi vào hoạt động ổn định, đáp ứng trọn vẹn quy mô dân số 30.925 người và yêu cầu phát triển đô thị giai đoạn mới. Mạng lưới cơ sở giáo dục hiện hữu bao gồm hệ thống trường lớp hoàn chỉnh từ bậc mầm non đến phổ thông với: 04 trường mầm non công lập (cùng 04 cơ sở tư thục), 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS, 03 trường liên cấp Tiểu học & THCS, 03 trường THPT và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Sự phân bổ rộng khắp, bám sát các không gian cư trú của các tổ dân phố tương lai giúp bảo đảm tối ưu bán kính phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho học sinh di chuyển học tập, đặc biệt là ở các cấp bậc mầm non và tiểu học.

Về mạng lưới trường lớp, các cơ sở giáo dục hiện được phân bố tương đối rộng trên địa bàn, bám sát các khu dân cư hiện hữu và bảo đảm khả năng tiếp cận của học sinh. Mạng lưới này bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; đồng thời trên địa bàn còn có các trường trung học phổ thông phục vụ nhu cầu học tập của học sinh trong xã và khu vực lân cận. Việc duy trì mạng lưới trường học tại các khu dân cư có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm bán kính phục vụ, hạn chế việc học sinh phải di chuyển xa, đặc biệt đối với cấp mầm non và tiểu học.

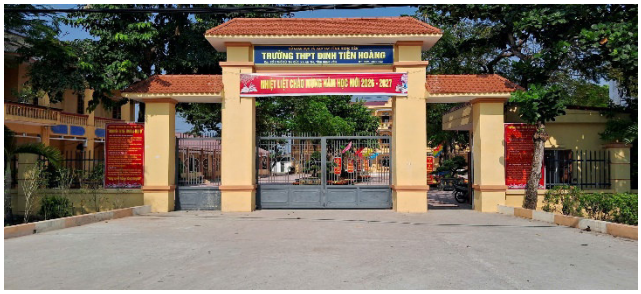
Đối với giáo dục trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên, việc tập trung 03 trường THPT và 01 Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn đã khẳng định vai trò vị thế hạt nhân lõi của xã Ân Thi, đóng vai trò là trung tâm văn hóa - giáo dục - đào tạo thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội cho toàn bộ khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu. Hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất khu vực này luôn được đầu tư kiên cố, đáp ứng phục vụ tốt cho các kỳ thi lớn hằng năm cũng như các hoạt động đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho lực lượng lao động dịch chuyển vào các cụm, khu công nghiệp trọng điểm trên địa bàn.

Về chất lượng hoạt động và đội ngũ, phong trào giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn của địa phương luôn duy trì thành tích xuất sắc vững chắc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư mạnh mẽ với 100% các trường mầm non, phổ thông của xã đều đạt chuẩn quốc gia (trong đó có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2). Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo 100%; phong trào chuyên môn đạt nhiều dấu ấn lớn với 06 giáo viên dạy giỏi cấp huyện bậc Tiểu học, 02 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và 07 giáo viên dạy giỏi cấp huyện bậc THCS. Trong kỳ thi học sinh giỏi khối 9 cấp tỉnh, học sinh địa phương đạt thành tích vượt trội với 27 giải trên tổng số 36 giải của toàn huyện cũ, đồng thời khẳng định chất lượng giáo dục đại trà với tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100% và đỗ vào lớp 10 công lập đạt 69%.





Hình 7: Trường Mầm Non trên địa bàn xã Ân Thi





Hình 8: Trường THPT trên địa bàn xã Ân Thi





Hình 9: Trường TH và THCS trên địa bàn xã Ân Thi

Về cơ sở vật chất trường học, mạng lưới trường hiện hữu cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy và học. Các trường từng bước được đầu tư phòng học, phòng chức năng, khu hành chính, sân chơi, bãi tập và các hạng mục phụ trợ. Tuy nhiên, do hệ thống gồm nhiều cơ sở được xây dựng trong các giai đoạn khác nhau, chất lượng và mức độ đồng bộ về cơ sở vật chất giữa các trường còn có sự chênh lệch. Một số cơ sở cần tiếp tục được cải tạo, nâng cấp phòng học, phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập, hệ thống cấp thoát nước, cây xanh và các thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

Về quỹ đất và tổ chức không gian trường học, hệ thống cơ sở giáo dục hiện nay chủ yếu nằm trong hoặc gần các khu dân cư hiện hữu, thuận lợi cho học sinh tiếp cận. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa và phát triển các khu dân cư mới sẽ làm thay đổi sự phân bố dân cư, kéo theo nhu cầu điều chỉnh mạng lưới trường lớp.

Bảng 2: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Ân Thi

TT	Tên	Diện tích đất (m2)
I	**Trường THCS**	**14.500**

1	THCS Phạm Huy Thông	14.500
II	**Trường Tiểu học**	**9.210**
1	TH Ân Thi	9.210
II	**Trường Tiểu học và Trung học cơ sở**	**31.444**
1	TH&THCS Quang Vinh	10.833
2	TH&THCS Tân Phúc	9.636
3	TH&THCS Hoàng Hoa Thám	10.975
III	**Trường Mầm non**	**18.026**
1	MN Ân Thi	5.197
2	MN Quang Vinh	4.530
3	MN Tân Phúc	4.631
4	MN Hoàng Hoa Thám	3.668
IV	**Trường THPT, Cao đẳng, chuyên nghiệp**	**47.640**
1	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	14.098
2	Trường THPT Ân Thi	20.548
3	Trường THPT Lê Quý Đôn	6.982
4	Trung tâm GDNN-GDTX	6.012

Nguồn: UBND xã Ân Thi

Về phương án sắp xếp, kiện toàn mạng lưới trường học, xã Ân Thi quán triệt nguyên tắc kế thừa và giữ nguyên trạng tổ chức bộ máy hiện có của các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Phương án này nhằm tập trung tối đa nguồn lực hạ tầng sẵn có, bảo đảm tính ổn định, liên tục trong công tác dạy và học, đồng thời phát huy hiệu quả năng lực tiếp nhận của hệ thống trường lớp hoàn chỉnh gồm: 04 trường mầm non công lập, 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS, 03 trường liên cấp Tiểu học & THCS, 03 trường THPT và 01 Trung tâm GDNN - GDTX. Quá trình chuyển tiếp lên chính quyền đô thị đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng sử dụng cơ sở vật chất khu vực trung tâm và các điểm trường sáp nhập, bảo đảm bán kính phục vụ tối ưu cho hơn 30.925 người dân tại 29 tổ dân phố tương lai.

Nhằm đảm bảo tính ổn định và liên tục trong công tác quản lý, phương án tổ chức bộ máy giáo dục của xã Ân Thi sau khi thành lập sẽ thực hiện trên cơ sở giữ nguyên trạng tổ chức của các trường học; tiếp tục giữ nguyên tên gọi gắn với địa danh xã Ân Thi cho đến hết năm học 2025 - 2026. Việc rà soát điều chỉnh, đổi tên các trường theo địa danh xã Ân Thi sẽ được triển khai thực hiện đồng bộ trong các năm học tiếp theo, hướng tới mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 có 100% các trường mầm non và phổ thông trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Tuy nhiên, cần đồng thời có phương án bảo đảm bán kính phục vụ, xử lý cơ sở dôi dư,

bổ sung quỹ đất giáo dục tại các khu dân cư mới và dự báo nhu cầu phát sinh do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Hệ thống công trình văn hóa – thể dục thể thao trên địa bàn xã Ân Thi được hình thành và phát triển vững chắc gắn liền với mạng lưới dân cư sáp nhập ổn định của các đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám). Sau khi thành lập đơn vị hành chính mới, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao tiếp tục được duy trì, khai thác tối ưu và từng bước quy hoạch nâng cấp nhằm đáp ứng trọn vẹn nhu cầu sinh hoạt tinh thần, tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật cho quy mô 30.925 cư dân. Đây là một bộ phận hạ tầng xã hội thiết yếu, tạo lập môi trường sống văn minh tiệm cận các tiêu chuẩn nâng cấp lên đô thị loại III trong giai đoạn mới.



Hình 10: Nhà tập đa năng



Hình 11: Nhà văn hóa thôn xã

Về hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, địa phương sở hữu mạng lưới nhà văn hóa đồng bộ gắn liền với 29 thôn hiện hữu, đáp ứng hoàn hảo nhu cầu hội họp, tuyên truyền và tổ chức các sự kiện chính trị lớn. Giai đoạn 2025 – 2026, Ủy ban nhân dân xã đã phê duyệt dự toán, hướng dẫn, phê duyệt và ban hành đưa vào thực hiện 05 bản quy ước của các phố và 24 bản hương ước của các thôn. Hoạt động của các nhà văn hóa thôn và hội trường khối cơ quan trung tâm (Hội trường Đảng ủy, Hội trường UBND xã) được khai thác với hiệu suất cao, phục vụ trực tiếp các hội nghị tiếp xúc cử tri và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giúp tỷ lệ gia đình văn hóa năm 2025 đạt tới 94,2% (với 8.488/9.010 hộ đạt chuẩn).

Đặc biệt, địa phương chú trọng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tâm linh gắn với không gian công cộng đô thị. Toàn xã hiện có 07 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng chính thức, bao gồm 01 di tích cấp quốc gia và 06 di tích cấp tỉnh. Các không gian di tích này được quy hoạch sân bãi, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, là địa điểm trang trọng tổ chức các lễ hội truyền thống, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng an toàn, tiết kiệm và khơi dậy truyền thống hiếu học lâu đời của mảnh đất lỵ sở Ân Thi.

Bảng 3: Thống kê các công trình di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng xã Ân Thi

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu		
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
1	Nhà thờ họ Đỗ	Thôn Đỗ Thượng, xã Ân Thi			X
2	Đình Đanh Xá	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi			X
3	Đình Minh Lý	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi		X	
4	Đình - đền - chùa thôn Đỗ Thượng	Thôn Đỗ Thượng, xã Ân Thi		X	
5	Đình - chùa - nghè An Đạm	Thôn Đỗ An xã Ân Thi		X	
6	Đình Đỗ Xuyên	Thôn Đỗ An xã Ân Thi		X	
7	Đình Tam Đô	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi		X	
8	Đình - chùa Gia Cốc	Thôn Gia Ngọc, xã Ân Thi		X	
9	Đình - chùa Phú Cốc	Thôn Đỗ Hạ, xã Ân Thi		X	
10	Đình - chùa Phúc Tá	Thôn Phúc Thị, xã Ân Thi		X	
11	Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn	Thôn Thổ Hoàng, xã Ân Thi		X	
12	Đình - chùa Hoàng Cả	Thôn Thổ Hoàng xã Ân Thi		X	

Nguồn: UBND xã Ân Thi

Về hệ thống công trình thể dục thể thao, phong trào thể thao quần chúng trên địa bàn phát triển tương đối mạnh mẽ tại khắp các khu dân cư. Trong các hội thao cấp cơ sở gần đây, hoạt động thu hút đông đảo vận động viên đến từ cả 29 thôn tham gia sôi nổi các nội dung bóng chuyền hơi nam, bóng chuyền hơi nữ, kéo co và thể dục dưỡng sinh dành cho người cao tuổi. Hệ thống cơ sở vật chất thể thao công cộng tại các thôn kết hợp chặt chẽ với hệ thống nhà tập đa năng, sân bãi thể thao được đầu tư kiên cố bên trong các cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn. Việc tích hợp khai thác đa năng này giúp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo lập không gian công cộng đa chức năng xanh - sạch - đẹp, tạo tiền đề chuyển đổi đồng bộ 29 thôn thành 29 tổ dân phố văn minh đô thị ngay sau khi Nghị quyết thành lập xã đô thị được thông qua.





Hình 12: Khu di tích Đền Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Bên cạnh hệ thống sân thể thao, bãi tập được phân bố rộng khắp tại các địa bàn dân cư, một số công trình thể thao hiện đại đã được tích hợp hiệu quả bên trong các cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia của địa phương. Hệ thống nhà tập đa năng, sân tập của các trường học trên địa bàn—bao gồm 01 trường Tiểu học, 01 trường THCS, 03 trường liên cấp TH&THCS và 03 trường THPT—đều được trưng dụng linh hoạt để tổ chức các giải đấu thể thao phong trào, giải cầu lông hè thu thu hút hàng trăm vận động viên thuộc nhiều nhóm tuổi tham gia. Việc chủ động khai thác các công trình thể thao trong trường học phục vụ cộng đồng ngoài thời gian học tập chính khóa đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ đất công cộng và tối ưu hóa năng lực hạ tầng cơ sở vật chất thể thao sẵn có.

f) Công trình thương mại dịch vụ

Về hệ thống công trình thương mại, trên địa bàn xã Ân Thi hiện đã hình thành mạng lưới mua bán và cung ứng hàng hóa, dịch vụ tương đối đa dạng, đồng bộ, bao gồm các chợ dân sinh truyền thống, hệ thống cửa hàng bán lẻ, cửa hàng tự chọn, cơ sở kinh doanh tổng hợp và các hộ kinh doanh dịch vụ quy mô lớn. Các cơ sở thương mại chủ yếu phân bố tập trung tại lõi đô thị trung tâm (khu vực thị trấn Ân Thi cũ), các không gian cư trú mật độ cao và dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch cấp vùng như Quốc lộ 38, ĐT.376 và ĐT.386. Đây là các trục hành lang kinh tế chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển, có khả năng tiếp tục phát triển mạnh mẽ thành các tuyến phố thương mại – dịch vụ – logistics sầm uất của xã Ân Thi tương lai.

Về mạng lưới thương mại, hệ thống hiện nay đóng vai trò động lực thúc đẩy cơ cấu kinh tế địa phương dịch chuyển mạnh mẽ theo hướng đô thị hóa, đưa tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2025 đạt 986,0 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 29,43% trong tổng cơ cấu kinh tế toàn xã). Hệ thống cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích, đại lý vật liệu xây dựng, cơ sở kinh doanh hàng tiêu dùng và dịch vụ ăn uống phân bố rộng khắp, bám sát nhu cầu thực tế của 30.925 cư dân. Hoạt động giao thương đang chuyển dịch sâu sắc từ mô hình truyền thống nhỏ lẻ sang mô hình tích hợp đa dạng, hiện đại, mang tính chất của một trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng.



Hình 13: Khu phố thương mại



Hình 14: Siêu thị điện máy xanh

Sự xuất hiện của các cửa hàng tiện ích, cửa hàng tổng hợp chuyên ngành và cơ sở dịch vụ phụ trợ phục vụ trực tiếp dân cư đã đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm hàng hóa thiết thiết yếu, nâng cao chất lượng sống và văn minh thương mại tại địa phương. Thị trường cho thuê, sang nhượng mặt bằng kinh doanh, ki-ốt trên các tuyến đường trục chính đã hình thành sôi động và có giá trị kinh tế cao, phản ánh tốc độ phát triển và nhu cầu sử dụng không gian thương mại ngày càng tăng. Hiện trạng này tạo nền tảng vững chắc để chuyển đổi đồng bộ mô hình quản lý từ khu dân cư nông thôn sang 29 tổ dân phố văn minh đô thị, sẵn sàng đáp ứng tiêu chuẩn chính quyền đô thị loại III theo định hướng quy hoạch của tỉnh Hưng Yên.

2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã Ân Thi có vai trò quan trọng trong kết nối xã với các khu vực lân cận, tạo điều kiện lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân và thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ. Mạng lưới giao thông hiện nay gồm các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường giao thông nông thôn, trong đó nổi bật là các tuyến QL 38, tuyến tỉnh TL.376 và đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng.

1. Mạng lưới giao thông đối ngoại

- Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đi qua địa phận xã Ân Thi dài 2,45km có lộ giới 33m, bề rộng phần xe chạy 22,5m

- Quốc lộ 38 đoạn đi qua xã Ân Thi dài 7,32 km có lộ giới 11m, bề rộng phần xe chạy 9m.

- Đường TL.376 là một trong những tuyến giao thông quan trọng chạy qua địa bàn xã, kết nối Ân Thi với các khu vực lân cận. Dài khoảng 11km với lộ gới 13m và bề rộng xe chạy 11m.



Hình 15: Đường tỉnh



Hình 16: Đường QL

Như vậy, Ân Thi có mạng lưới 3 tuyến đường tỉnh quan trọng (Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, QL.38 và TL.376), tạo cấu trúc giao thông tương đối thuận lợi cho phát triển đô thị.

Bảng 4: Thống kê hiện trạng giao thông trên địa bàn xã Ân Thi

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)
	Tổng cộng			**133,90**
I	**Đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh**			**20,77**
1	Đường cao tốc Hà Nội- HP	22,50	33,00	2,45
2	Đường QL 38	9,00	11,00	7,32
3	Đường TL.376	11,00	13,00	11,00
II	**Đường trục chính đô thị**			**2,40**
1	Đường mùng 3/2	9,00	34,00	0,53
2	Đường nối đường mùng 3/2 với QL.38	9,00	24,00	0,21
3	Đường Hoàng Văn Thụ	9,00	20,50	0,84
4	Đường Đỗ Sỹ Họa	9,00	7,50	0,82

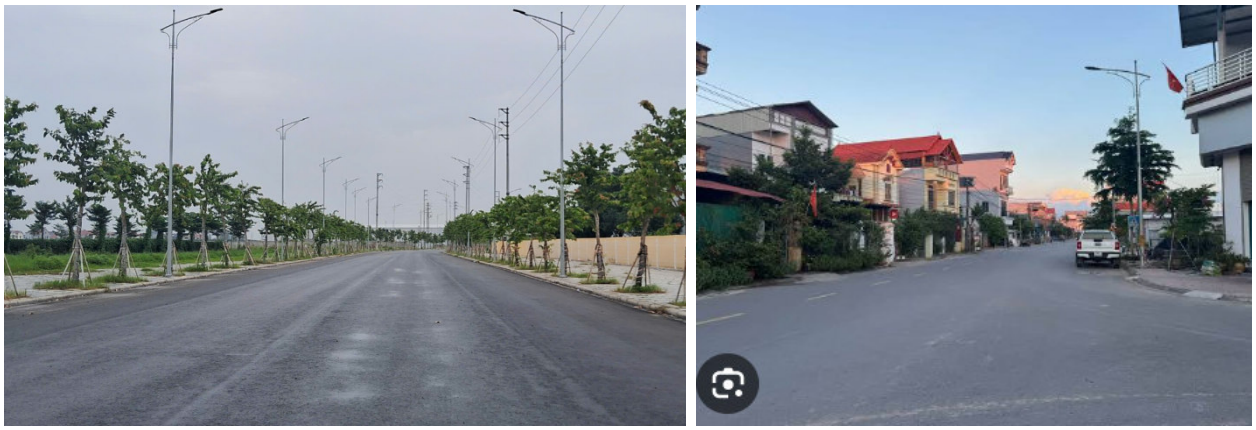
Nguồn: UBND xã Ân Thi

** Giao thông đối nội*

Mạng lưới đường xã, đường thôn và đường dân cư đã được hình thành tương đối rộng, kết nối các thôn với các tuyến đường tỉnh. Tuy nhiên, chất lượng và mặt cắt đường chưa đồng đều. Một số tuyến trong khu dân cư còn có mặt cắt nhỏ, thiếu vỉa hè, hệ thống thoát nước và chiếu sáng đồng bộ. Theo dữ liệu giá đất năm 2026, tại các khu dân cư của xã vẫn tồn tại nhóm đường có bề rộng từ 3,5 m đến dưới 7 m. Đây là dấu hiệu cho thấy mạng lưới đường nội bộ ở một số khu vực vẫn còn hạn chế về mặt cắt, đặc biệt khi lưu lượng giao thông tăng theo quá trình đô thị hóa.

- Đường đô thị: đang được đầu tư với mặt đường rộng từ 7,5m trở lên tuy nhiên nhiều đoạn chưa có vỉa hè, mật độ đường đô thị chưa cao.

- Đường trục xã: chiều rộng trung bình mặt đường từ 3-5m, nền đường 4-6m.



Hình 16: Đường giao thông đô thị trên địa bàn xã

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã Ân Thi hiện nay chủ yếu dựa vào hệ thống kênh, mương thủy lợi, ao hồ, rãnh thoát nước dọc đường giao thông và các tuyến tiêu thoát nước tự nhiên. Nên hệ thống tiêu thoát nước có tính phân tán và chưa đồng bộ giữa các khu vực.

Khu vực dân cư hiện hữu cơ bản sử dụng rãnh, cống dọc đường và hệ thống kênh tiêu thủy lợi để thu gom, dẫn nước mưa. Ở các khu vực sản xuất nông nghiệp, nước mưa chủ yếu được tiêu qua hệ thống mương nội đồng, kênh tiêu và các trạm bơm tiêu úng. Trong khi đó, tại các khu dân cư tập trung và dọc các tuyến giao thông chính, hệ thống cống/rãnh thoát nước đã được đầu tư từng bước nhưng chưa hình thành mạng lưới thoát nước mưa đô thị hoàn chỉnh, liên tục và đồng bộ.

Bên cạnh đó, Quá trình đô thị hóa đang tạo áp lực ngày càng lớn lên hệ thống thoát nước. Việc hình thành các khu dân cư mới, đường giao thông, khu công nghiệp và các công trình xây dựng làm tăng diện tích bề mặt không thấm nước, từ đó tăng nhanh lưu lượng dòng chảy mặt trong thời gian mưa.

Đặc biệt, xã đang có định hướng phát triển công nghiệp và đô thị mạnh; Khu công nghiệp và các khu vực phát triển mới sẽ làm gia tăng nhu cầu hoàn thiện hệ thống thoát nước. Tỉnh cũng đã yêu cầu xã tiếp tục hoàn thiện quy hoạch tổng thể để phù hợp quy hoạch chung, trong đó phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ và hướng tới mục tiêu nâng cấp đô thị.

Một hạn chế hiện nay là cống/rãnh thoát nước tại một số khu dân cư chưa có khả năng tiếp nhận lượng nước lớn, một số tuyến còn phụ thuộc vào mương tiêu nông nghiệp. Việc kết nối giữa hệ thống thoát nước đường giao thông với hệ thống kênh tiêu chưa hoàn toàn đồng bộ.

c) Hiện trạng cấp nước

Hệ thống cấp nước trên địa bàn xã Ân Thi đang từng bước được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt thiết yếu của người dân. Hệ thống cấp nước hiện nay gồm các khu vực được cấp nước tập trung thông qua mạng lưới đường ống và các nguồn cấp nước quy mô hộ gia đình tại một số khu vực dân cư. Các chương trình hỗ trợ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tiếp tục được triển khai, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận nước sạch của người dân.

Khu vực dân cư hiện hữu sáp nhập cơ bản sử dụng rãnh, cống dọc đường để thu gom và dẫn thoát ra hệ thống kênh tiêu thủy lợi chính. Tại khu vực trung tâm đô thị hiện hữu và dọc các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 38, ĐT.376, ĐT.386 kết nối với mạng lưới đất giao thông rộng 2,88 km², hệ thống cống, rãnh xây đúc kiên cố đã được đầu tư nâng cấp chỉnh trang. Tuy nhiên, mạng lưới thoát nước mưa đô thị vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện liên tục, đồng bộ để tạo thành hệ thống mạch vòng khép kín. Ở các khu vực sản xuất nông nghiệp cũ, nước mưa chủ yếu tiêu qua hệ thống mương nội đồng, kênh tiêu và các trạm bơm tiêu úng phục vụ cho diện tích đất nông nghiệp 15,26 km².

Tiến trình đô thị hóa nhanh chóng đang tạo áp lực ngày càng lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung. Việc hình thành các không gian cư trú mới, đường nội thị cao tầng và các công trình kiến trúc kiên cố làm gia tăng diện mạo bề mặt không thấm nước, thúc đẩy nhanh lưu lượng dòng chảy mặt trong thời gian mưa. Đặc biệt, theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, xã Ân Thi được định hướng trở thành hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ công nghệ cao của Vùng động lực phía Bắc. Sự phát triển mạnh mẽ của các KCN trọng điểm như KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám sẽ làm gia tăng cơ học dòng lao động và gia tăng mật độ xây dựng, đặt ra yêu cầu cấp bách phải chủ động hoàn thiện quỹ đất hạ tầng kỹ thuật thoát nước trong dài hạn.

Để khắc phục hạn chế cống/rãnh tại một số khu dân cư cũ chưa đủ vỉa hè và cây xanh đồng bộ, địa phương đang tập trung triển khai các giải pháp tích hợp quy hoạch kỹ thuật. Gắn liền với tiến trình nâng cấp lên xã đô thị loại III và thành lập xã, Ân Thi ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước thải tại các khu vực đô thị mới, kết nối đồng bộ trần mặt bằng giao thông với mạng lưới kênh mương thủy lợi khung, bảo đảm xử lý thoát nước và cảnh quan tuyến phố xanh – sạch – thông minh cho toàn bộ 29 tổ dân phố tương lai.

d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- *Thoát nước thải:*

*Thoát nước thải sinh hoạt

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn xã Ân Thi hiện chưa được đầu tư đồng bộ theo mô hình thoát nước đô thị. Tại các khu dân cư hiện hữu, nước thải sinh hoạt chủ yếu được thu gom chung hoặc thoát qua hệ thống rãnh, cống khu dân cư và sau đó dẫn vào hệ thống tiêu thoát nước chung. Nước thải từ các hộ gia đình phần lớn được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống chung. Tuy nhiên, chưa hình thành mạng lưới thu gom nước thải riêng và các trạm xử lý nước thải tập trung có quy mô cấp xã/đô thị.

Đây là vấn đề đã được xác định là một trong những nhiệm vụ cần ưu tiên khi xã phát triển theo hướng đô thị. Tại Đại hội Đảng bộ xã Ân Thi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025–2030, tỉnh đã yêu cầu xã tập trung xây dựng các điểm thu gom, xử lý nước thải bảo đảm vệ sinh môi trường tại các thôn.

* Thoát nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Nước thải từ các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần được xử lý kỹ lưỡng để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp này phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung. Việc này không chỉ giúp bảo vệ môi trường mà còn đảm bảo an toàn cho sức khỏe cộng đồng, ngăn ngừa các tác động tiêu cực từ chất thải công nghiệp.

➢ *Chất thải rắn (CTR), nghĩa trang:*

- Công tác thu gom, vận chuyển và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã Ân Thi đã được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm triển khai đồng bộ. Khối lượng chất thải rắn phát sinh hằng ngày chủ yếu từ các hộ gia đình thuộc 29 thôn hiện hữu, hệ thống chợ trung tâm, mạng lưới trường lớp đạt chuẩn và khu vực hành lang công nghiệp – dịch vụ đang phát triển mạnh. Nhằm khắc phục triệt để các hạn chế cục bộ và giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của cử tri năm 2025, Ủy ban nhân dân xã đã ký quyết định phê duyệt dự toán, tổ chức đấu thầu cung cấp chế phẩm vi sinh, xúc đảo trộn và phun hóa chất xử lý rác thải trực tiếp tại các bãi tập trung.

- Đồng thời, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức cộng đồng thông qua việc triển khai hiệu quả Đề án 178 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, hướng tới mục tiêu đạt tỷ lệ phân loại hữu cơ tại nguồn và xử lý chất thải đạt 85%. Trên địa bàn xã đã bước đầu hình thành năng lực dịch vụ môi trường với các tổ vệ sinh thôn xóm hoạt động chuyên trách, kết hợp cùng các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề thu gom, tái chế, tạo cơ sở vững chắc để xây dựng xã Ân Thi xanh – sạch – thông minh và đưa tỷ lệ các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường lên 90% vào năm 2030.

- Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn xã hiện trạng có tổng diện tích 0,37 km², chủ yếu bao gồm các nghĩa trang nhân dân gắn với các khu dân cư truyền thống dọc tuyến và Nghĩa trang liệt sĩ xã Ân Thi. Công trình Nghĩa trang liệt sĩ trung tâm địa phương đã được quy hoạch, cải tạo kiên cố, nâng cấp đồng bộ hệ thống tượng đài, nhà bia tưởng niệm, khuôn viên mộ chí, tường rào, thoát nước và chiếu sáng hiện đại, đáp ứng trọn vẹn yêu cầu tâm linh cấp chính quyền đô thị. Đối với mạng lưới nghĩa trang nhân dân, địa phương đang chủ động rà soát quy mô đất, khoảng cách an toàn môi trường và bố trí quỹ đất di dời mồ mả, giải phóng mặt bằng đồng bộ phục vụ các dự án trọng điểm (như dự án đường Tân Phúc - Võng Phan). Do khu vực đô thị trung tâm chưa xây dựng nhà tang lễ riêng biệt, địa phương đang đẩy mạnh tuyên truyền nếp sống văn minh đô thị trong việc tang, khuyến khích nhân dân nâng cao tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng văn minh (hiện đạt 12,5%), hướng tới mục tiêu hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật dùng chung đạt tiêu chuẩn đô thị loại III khung dài hạn.

e) Hiện trạng cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Ân Thi hiện nay cơ bản đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện năng phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và các hoạt động kinh tế - xã hội trọng điểm. Nguồn điện của địa phương được bảo đảm an toàn, ổn định thông qua hệ thống các trạm biến áp 110kV khu vực và mạng lưới đường dây truyền tải kết nối đồng bộ với lưới điện tỉnh Hưng Yên. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích cực với tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ đạt tới 78,87% đã tạo nền tảng cho hạ tầng năng lượng phát triển vượt bậc, phục vụ tốt cho quy mô dân số 30.925 người trên địa bàn.

Mạng lưới điện trung áp (35 kV, 22 kV) và hạ áp trên địa bàn được hình thành tương đối rộng, bao phủ toàn bộ 29 thôn hiện hữu và khu vực lõi đô thị trung tâm. Sau khi sắp xếp sáp nhập bộ máy hành chính từ 03 đơn vị hành chính cũ (thị trấn Ân Thi, xã Quang Vinh, xã Hoàng Hoa Thám), ngành điện lực đã tập trung rà soát, đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống các trạm biến áp phân phối nhằm đảm bảo công suất dòng. Trong đó, công tác kiểm tra, cải tạo vị trí hành lang an toàn lưới điện được thực hiện nghiêm túc; điển hình như việc di chuyển, kiên cố hóa trạm biến áp phân phối thôn Trung công suất 320 kVA - 35/0,4 kV sang vị trí mới, đóng điện vận hành an toàn, giải quyết triệt để tình trạng sụt áp cục bộ và nâng cao năng lực cung ứng thiết thực.

Nhìn chung, hệ thống cấp điện hiện trạng có ưu điểm lớn là đã hình thành mạng lưới mạch vòng tương đối hoàn chỉnh, nguồn cấp có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng cao và có sẵn quỹ đất để mở rộng công suất trạm trong tương lai. Tuy nhiên, tiến trình đô thị hóa nhanh chóng, việc xây dựng các không gian kiến

trúc kiên cố và phát triển mạnh các hành lang công nghiệp chiến lược như KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám đang làm phụ tải điện tăng trưởng theo cấp số nhân. Thực tế này đòi hỏi địa phương phải phối hợp chặt chẽ với ngành điện để có phương án phát triển nguồn, lưới điện đồng bộ, bảo đảm cấp điện liên tục, ổn định dài hạn.

Trong giai đoạn tới, gắn liền với tiến trình thành lập xã đô thị và nâng cấp hạ tầng đô thị đạt tiêu chí loại III, địa phương định hướng tập trung cải tạo và cải chỉnh toàn diện mạng lưới điện trung, hạ áp. Bổ sung các trạm biến áp phân phối tại các khu dân cư mới mật độ cao; triển khai lộ trình ngầm hóa hệ thống đường dây dây truyền tải và cáp viễn thông dùng chung tại khu vực trung tâm hành chính; đồng thời hoàn thiện hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông đạt tỷ lệ 100% trên các tuyến phố chính. Đối với các khu, cụm công nghiệp tập trung đang đẩy nhanh tiến độ hạ tầng đạt trên 70%, địa phương ưu tiên bố trí phương án cấp điện riêng biệt, bảo đảm dự phòng công suất lớn, thân thiện với môi trường, sẵn sàng phục vụ các làn sóng đầu tư công nghệ cao vào xã Ân Thi trong kỷ nguyên phát triển mới.

Lưới chiếu sáng

Lưới chiếu sáng đã được xây dựng trên các trục đường và một số tuyến đường chính khu vực, hình thức chủ yếu là bóng đèn natri cao áp 220V-200W cột đèn độc lập bằng thép mạ kẽm. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư còn hạn chế. Chưa có chiếu sáng trang trí cho các khu vực vườn hoa cây xanh.

* Lưới điện trung thế

- Hệ thống lưới điện trung thế và mạng lưới chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Ân Thi được tập trung đầu tư đồng bộ, đóng vai trò nền tảng phát triển hạ tầng kỹ thuật khung cho không gian đô thị mới. Hệ thống lưới điện trung thế (chuỗi hành lang 35kV và 22kV) vận hành xuyên suốt trên địa bàn với tổng chiều dài kết nối liên vùng ổn định, cấp nguồn thông suốt thông qua mạng lưới các trạm biến áp phân phối được tính toán khoa học, đáp ứng hoàn hảo nhu cầu tiêu thụ công suất lớn cho các khu vực dân cư tập trung và các dự án công nghiệp trọng điểm đang triển khai.

- Mạng lưới chiếu sáng khu vực mở rộng đã được chú ý đầu tư xây dựng.

- Về tình hình cung cấp điện: Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm tăng nhanh. Về cơ cấu tiêu thụ điện thì thành phần tiêu dùng dân cư chiếm tỷ trọng rất lớn trong đó chủ yếu là sinh hoạt. Tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện lưới đạt 100%.

f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện

Hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính và viễn thông trên địa bàn xã Ân Thi hiện cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của người dân, cơ quan, doanh

nghiệp và các hoạt động sản xuất – kinh doanh. Hệ thống viễn thông của xã được kết nối với mạng viễn thông chung của tỉnh Hưng Yên, bao gồm mạng điện thoại di động, mạng Internet băng rộng và mạng truyền dẫn dữ liệu. Các dịch vụ viễn thông ngày càng đa dạng, với Internet cáp quang, điện thoại di động và các dịch vụ dữ liệu tốc độ cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin và sử dụng các dịch vụ số.

Hạ tầng thông tin di động trên địa bàn được hưởng lợi từ mạng lưới trạm thu phát sóng phát triển tương đối rộng của tỉnh Hưng Yên. Các nhà mạng lớn đang cung cấp dịch vụ thông tin di động, trong đó mạng 4G đã được triển khai rộng và hạ tầng 5G đang tiếp tục được phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng thông tin liên lạc, phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, các ứng dụng đô thị thông minh và các dịch vụ số phục vụ người dân.

Đối với hạ tầng Internet cố định, mạng cáp quang đã được triển khai phục vụ các khu dân cư và cơ quan trên địa bàn. Đáng chú ý, UBND xã đang từng bước đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi số; trong năm 2026 đã triển khai hệ thống điểm phát sóng Wi-Fi công cộng, đồng thời đầu tư hạ tầng mạng nội bộ LAN và an toàn thông tin cho hoạt động của cơ quan xã. Điều này cho thấy hạ tầng thông tin đang chuyển dần từ mô hình phục vụ liên lạc truyền thống sang hạ tầng số phục vụ quản trị và phát triển đô thị.

Hệ thống bưu chính trên địa bàn được kết nối với mạng lưới bưu chính của tỉnh, đáp ứng nhu cầu chuyển phát thư tín, bưu phẩm, hàng hóa và các dịch vụ bưu chính công ích. Mạng lưới vận chuyển bưu chính của tỉnh hiện được tổ chức rộng khắp đến các xã, phường, với tần suất vận chuyển từ trung tâm tỉnh đến trung tâm xã, phường bình quân khoảng 1–2 chuyến/ngày. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát cụ thể số lượng điểm phục vụ bưu chính, cơ sở vật chất và bán kính phục vụ tại Ân Thi để bổ sung số liệu phục vụ hồ sơ đánh giá đô thị.

Nhìn chung, hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông và bưu chính của xã Ân Thi cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại và có khả năng nâng cấp để phục vụ quá trình đô thị hóa. Trong giai đoạn tới cần ưu tiên phát triển mạng cáp quang tốc độ cao, mở rộng vùng phủ 4G/5G, tăng cường các trạm BTS tại khu vực phát triển mới, từng bước ngầm hóa cáp viễn thông tại khu vực trung tâm và các tuyến phố chính; đồng thời mở rộng Wi-Fi công cộng, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính và hạ tầng số. Việc hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc sẽ góp phần quan trọng xây dựng Ân Thi trở thành khu vực đô thị hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số và quản lý đô thị theo hướng thông minh.

3. Đánh giá phân loại xã Ân Thi so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Ân Thi nằm ở khu vực Vùng động lực phía Bắc (Cửa ngõ vùng Thủ đô Hà Nội), hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên, khu vực Ân Thi có vai trò là một trong những khu vực có chức năng trung tâm tổng hợp của khu vực, đồng thời giữ vai trò kết nối, cung cấp các dịch vụ kinh tế – xã hội cho khu vực phía Nam của tỉnh Hưng Yên. Vị trí của Ân Thi có ý nghĩa quan trọng trong tổ chức không gian phát triển của tỉnh nhờ nằm trên các tuyến giao thông có khả năng kết nối với thành phố Hưng Yên, các đô thị trong tỉnh và các tỉnh, thành phố thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng.

Ân Thi có vị trí tương đối quan trọng trong cấu trúc không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên, với lợi thế về vị trí địa lý, khả năng kết nối giao thông và nền tảng các chức năng hành chính – kinh tế – xã hội. Trong định hướng phát triển, khu vực có cơ sở để phát huy vai trò trung tâm tổng hợp về kinh tế, thương mại – dịch vụ, văn hóa, giáo dục, y tế và các dịch vụ công cộng, đồng thời là đầu mối kết nối giao thông của khu vực. Các chức năng du lịch, khoa học – công nghệ có vai trò bổ trợ và cần được tăng cường trong quá trình phát triển.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối

Xã Ân Thi có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị và mạng lưới các điểm dân cư trên địa bàn, giữ vai trò là đô thị trung tâm của khu vực, là nơi tập trung các chức năng hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật có tính chất đầu mối phục vụ dân cư trong đô thị và khu vực lân cận.

Xã đã hình thành tương đối rõ khu vực trung tâm hành chính - chính trị, tập trung trụ sở các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, đoàn thể và các đơn vị sự nghiệp; đồng thời đã đầu tư xây dựng hệ thống các công trình công cộng, giáo

dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Các công trình này tạo thành hạt nhân trung tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ và thực hiện chức năng quản lý hành chính cho phạm vi đô thị và khu vực xung quanh.

Về chức năng kinh tế - xã hội, xã là đầu mối tập trung các hoạt động thương mại, dịch vụ, giao dịch hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa và các hoạt động phục vụ sản xuất, đời sống của người dân. Sự tập trung của các cơ quan hành chính, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng tạo điều kiện hình thành khu vực trung tâm có sức hút đối với dân cư, lao động và các hoạt động kinh tế từ các xã, khu dân cư lân cận.

Về giao thông và liên kết vùng, xã nằm trên các tuyến giao thông có vai trò kết nối với các khu vực lân cận: Đường cao tốc Hà Nội- HP; Đường QL 38; Đường TL.376... tạo điều kiện thuận lợi cho luân chuyển hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận các công trình đầu mối. Hệ thống đường giao thông đối ngoại và mạng lưới giao thông đô thị từng bước được đầu tư, nâng cấp, tạo sự liên kết giữa khu vực trung tâm với các khu chức năng, khu dân cư và các xã địa bàn xung quanh.

Xã Ân Thi có vị trí tương đối quan trọng trong cấu trúc không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên, với lợi thế về vị trí địa lý, khả năng kết nối giao thông và nền tảng các chức năng hành chính – kinh tế – xã hội. Trong định hướng phát triển, khu vực có cơ sở để phát huy vai trò trung tâm tổng hợp về kinh tế, thương mại – dịch vụ, văn hóa, giáo dục, y tế và các dịch vụ công cộng, đồng thời là đầu mối kết nối giao thông của khu vực. Các chức năng du lịch, khoa học – công nghệ có vai trò bổ trợ và cần được tăng cường trong quá trình phát triển

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp tỉnh đạt 8,0/8,0 điểm.

→ ***Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 15,0/15,0 điểm.***

3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá

1. Quy mô dân số đô thị

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Ân Thi là 30.550 người và dân số tạm trú quy đổi là 375 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Ân Thi là 30.925 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,59/7,00 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Ân Thi đã bao gồm quy đổi là 30.925 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 24,38 km^2. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự

nhiên là 30.925 người/24,38 km^2 đạt 1.269 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/km2, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại) là: 14.300 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ - thương mại là 10.295 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 10.295/14.300 người, đạt 71,99%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,59/15,0 điểm

3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Đầu mối giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Ân Thi chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: Đường cao tốc Hà Nội-HP; Đường QL 38; Đường TL.376 chạy qua và có bến xe khách ở trung tâm xã loại III với quy mô diện tích 15.450 m^2, phạm vi phục vụ bao gồm toàn bộ xã và khu vực phụ cận. Đánh giá đầu mối giao thông xã Ân Thi cấp tỉnh, đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

b) Mật độ đường giao thông đô thị

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Ân Thi là 133,90 km. Diện tích đất xây dựng đô thị là 7,41 km^2. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 133,90km/7,41 km^2 đạt 18,05 km/km^2 (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 3 - 3,5 km/km^2). Đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 9,0/9,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Ân Thi đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh.Tổng dân số toàn xã là 30.925người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 27.833người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 27.833/30.925 đạt 90% (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%) Đánh giá đạt 2,50/3,00 điểm

b) Mật độ đường cống thoát nước chính

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Ân Thi là 71,86 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 71,86km/7,41 km^2; đạt 9,69 km/km^2 (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/km^2); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch

Trên địa bàn xã hiện nay có trạm xử lý nước thải Ân Thị với công suất thiết kế là 400 m^3/ngày đêm. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 100%. Đánh chưa đạt 1,0/1,00 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 6,5/7,0 điểm.

3. Xử lý chất thải rắn

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 5.475 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 4.694 (Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 4.694 /5.475 đạt 85,73% (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

4. Nghĩa trang đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã có 16 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 10,23ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 18 ha. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là đạt 56,83% (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá đạt 2,34/3,00 điểm.

Hiện nay trên địa bàn xã đã có dự án nhà tang lễ nhằm phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn. Đánh giá đạt 2,5/3,0 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Số Giường bệnh

- Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế phục vụ tính xã Ân Thi là 100 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 32,34 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 4,33/5,00 điểm.

2. Cơ sở giáo dục đào tạo

Trên địa bàn khu vực mở rộng có 04 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Trường THPT Phạm Ngũ Lão; Trường THPT Ân Thi; Trường THPT Lê Quý Đôn và Trung tâm GDNN-GDTX. (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 4,17/5,00 điểm.

3.Công trình văn hoá

- Trên địa bàn đô thị xã Ân Thi có 14 công trình văn hóa cấp đô thị: Nhà thờ họ Đỗ; Đình Đanh Xá; Đình Minh Lý; Đình - đền - chùa thôn Đỗ Thượng; Đình - chùa - nghè An Đạm; Đình Đỗ Xuyên; Đình Tam Đô; Đình - chùa Gia Cốc; Đình - chùa Phú Cốc; Đình - chùa Phúc Tá; Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn; Đình - chùa Hoàng Cả; Nhà văn hóa trung tâm xã và Đài tưởng niệm liệt sỹ (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm.

4. Công trình thể dục thể thao

- Trên địa bàn xã Ân Thi có 3 công trình thể dục thể thao cấp đô thị là 3 Sân bóng trung tâm xã; Sân bóng Hoàng Hoa Thám và Nhà tập luyện đa năng đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-5 công trình); đánh giá đạt điểm 3,33/4,00 điểm.

5. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn có 04 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ Thổ Hoàng; Chợ Đọ; Chợ Tân Phúc và Siêu thị Điện Máy Xanh. (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,67/3,00 điểm

6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 130.933,7 m^2, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 130.933,7 m^2/30.925người, đạt 4,23 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 22,50/25,0 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Trên địa bàn xã có 01 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >02ha (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 khu). Đánh giá đạt 0/4,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Ân Thi là 2.437,70 ha. Tổng diện tích không gian xanh là 1.675,56 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là 1.675,56 /2.437,70 đạt 68,74% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35 %). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

- Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã Ân Thi là 199.466,25 m2. Do vậy đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 6,45 m^2/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 m^2/người). Đánh giá đạt 2,73/3,0 điểm

4. Quy chế quản lý kiến trúc đô thị

- Hiện nay xã đang chuẩn bị triển khai lập quy hoạch đô thị, kế hoạch phát triển đô thị theo Điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh và chương trình phát triển đô thị tỉnh được duyệt. Do đó chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá chưa đạt điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 5,73/15,0 điểm.

3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Ân Thi

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15. Qua đánh giá hiện trạng phát triểnxã Ân Thi năm 2025 so với tiêu chí đô thị loại III đạt **85,16/75/100 điểm**. Cụ thể như sau:

TT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11.5**	**15**	**15,00**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15.5**	**20**	**18,59**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**51,57**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18.25	25	23,34
III.2	Về hạ tầng xã hội	18.25	25	22,50
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11.5	15	5,73
	Tổng cộng	**75**	**100**	**85,16**

(Chi tiết xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111

4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Ân Thi là 1,02%; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 3,57/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Ân Thi đạt 82,50 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78,6 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,06 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 4,95/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã Ân Thi năm 2025 là 0,39%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có công trình di tích lịch sử cấp quốc gia, được cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,02/15,0 điểm

4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Dân số toàn xã năm 2025 là 30.925 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Ân Thi là 7,41 km^2. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 30.925 /7,41 đạt 4.170 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km^2. Đánh giá đạt 8,17/10,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Ân Thi năm 2025 là 7,41 km2 so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 57,34% (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 4,94/6 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ năm 2025 đạt theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 16,11/20,00 điểm

4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô là 106,10ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 741,60 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (106,10/741,60) *100%, đạt 14,31% (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 2,46/3,0 điểm.

b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Ân Thi là 1.061.090 m2; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 1.061.090/30.925 người, đạt 34,31 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Trên địa bàn xã hiện nay có 3/7 tuyến chính đã được ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính đạt tỷ lệ 42,86% (tiêu chuẩn quy định từ 40-50%). Đánh giá đạt điểm 2,64/3,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã năm 2025 đạt 102,10lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Thoát nước chống ngập úng đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã Ân Thi có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm

c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay các hộ trên địa bàn xã chưa đăng kí dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt. Tỷ lệ Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 0% (tiêu chuẩn từ 20% -35%). Đánh giá chưa đạt điểm 0/2,00 điểm.

3. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025 là 5.475tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được thu gom đạt 5.133 tấn/năm. Tỷ

lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 93,76 % *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 2,0/2,00 điểm.*

b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

UBND xã đã triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn. Trên địa bàn xã hiện nay tỷ lệ các hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn là đạt 58,20% *(tiêu chuẩn từ 50-75%)* . Đánh giá đạt điểm 0,83/1,00 điểm.

c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 218 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 119 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 54,59% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng

a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1291,04 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,0/2,00 điểm.

b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Hiện nay trên địa bàn xã có 2/7 tuyến sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng đạt 28,57% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 0,84/1,00 điểm.

5. Hạ tầng viễn thông

Toàn xã có 9.076 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 7.659 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 84,47 % (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,61/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay có tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên đánh giá đạt 0,5 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Nhà ở

a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

- Toàn xã có 9076 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 1.035.060 m^2. Diện tích sàn bình quân đầu người trên địa bàn là 1.035.060 m^2 sàn/30.925 người, đạt 33,47 m^2 sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 m^2 sàn/người); đánh giá đạt 4,00/4,00 điểm.

b) Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

2. Công trình công cộng

a) Đất dân dụng bình quân đầu người

Diện tích đất dân dụng xã Ân Thi là 488,63ha, bình quân đất dân dụng là 488,63*10.000 m2/30.925 người, đạt 158,01 m2/người (tiêu chuẩn 50-110 m2/người); đánh giá chưa đạt điểm 3,00/3,00 điểm.

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã ... có tổng diện tích 119.344,46 m2, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 119.344,46 m^2/30.925 người, đạt 3,86 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 m2/người); đánh giá đạt 3,85/4,00 điểm.

c) Số trường công lập đạt chuẩn

Trên địa bàn xã có 100% số trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Trên địa bàn xã có 4 điểm trường tiểu học bao gồm: Tiểu học Ân Thi, TH&THCS Quang Vinh; TH&THCS Tân Phúc; TH&THCS Hoàng Hoa Thám. Đáp ứng 01 trường/6.000 người. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 83.194 m^2. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là 73.181m^2/30.925 người đạt 2,37 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 46.269 m^2. Bình quân Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 42.463,8/30.925 đạt 1,37 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 m2/người); đánh giá đạt 2,74/3,00 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Không gian đô thị

a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 110.711,50 m^2. *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt* 110.711,50 m^2/30.925 người đạt 3,58 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 m^2/người); đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m 2 trở lên

Trên địa bàn xã có 01 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 m^2 là khu vực công viên. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 1,5/2,00 điểm.

2. Kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm

b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Trên địa bàn xã có 12 công trình di tích lịch sử được xếp hạng. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Công trình xanh

Trên địa bàn xã chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm

3. Quản trị đô thị

a) Kế hoạch phát triển đô thị

- Xã Ân Thi hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/1 điểm

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 6.162 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 3.848 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 62,45 (%) (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm

c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Trong năm 2025 xã đã thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp 29/29 tuyến đường trên địa bàn xã đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

d) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm

e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 98%. (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm,

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 52,61/65,00 điểm

4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Ân Thi so với trình độ phát triển đô thị loại III

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Ân Thi so với trình độ phát triển đô thị loại III đạt **81,74/75,00/100 điểm**. Cụ thể

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,02**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**16,11**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**52,61**
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18.25	25	21,77
III.2	Về hạ tầng xã hội	18.25	25	20,09
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11.5	15	10,75
	Tổng cộng	**75**	**100**	**81,74**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục II)

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Ân Thi so với tiêu chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Ân Thi đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

a) Đối với Đánh giá phân loại xã Ân Thi so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên: Trong thời gian tới UBND cần rà soát quỹ đất quy hoạch, kết hợp không gian xanh ven sông, hồ sẵn có để mở rộng quy mô không gian xanh sử dụng công cộng trên 02 ha.

- Đối với tiêu chuẩn: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Sau khi Sở Xây dựng tiến hành triển khai lập quy hoạch chung đô thị Ân Thi, UBND xã triển khai đồng thời triển khai lập quy hoạch phân khu đô thị, kết hoạch phát triển đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị nhằm đảm bảo tính đồng bộ thống nhất trong công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch đã được duyệt.

b) Đối với Đánh giá phân loại xã Ân Thi so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt; đẩy mạnh đấu nối hộ dân vào hệ thống thoát nước, xây dựng công trình xử lý nước thải phù hợp; huy động nguồn lực đầu tư và tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm nâng tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật, phấn đấu đạt tối thiểu 35% và từng bước đạt từ 50% trở lên theo Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15.

- Đối với tiêu chuẩn: Đất dân dụng bình quân đầu người

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất theo hướng tăng hiệu quả khai thác quỹ đất và hạn chế mở rộng đất dân dụng phân tán; ưu tiên phát triển đô thị theo hướng tập trung, tăng mật độ xây dựng phù hợp tại khu vực trung tâm, khai thác hiệu quả quỹ đất hiện hữu và đất xen kẹt. Đồng thời, kiểm soát việc chuyển đổi

đất sang đất ở, bố trí các khu chức năng hợp lý và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất trong các đồ án quy hoạch, phấn đấu giảm diện tích đất dân dụng bình quân đầu người về mức phù hợp theo quy định tại Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Rà soát, đánh giá hiện trạng các tuyến phố trên địa bàn xã; xác định cụ thể các tuyến chưa đạt tiêu chí tuyến phố văn minh đô thị và xây dựng kế hoạch khắc phục theo từng năm, ưu tiên các tuyến phố trung tâm, khu vực đông dân cư và các tuyến có vai trò kết nối giao thông chính. Tập trung đầu tư, chỉnh trang hệ thống đường giao thông, vỉa hè, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và cảnh quan; tăng cường thu gom rác thải, vệ sinh môi trường, xử lý các điểm tập kết rác tự phát. Đẩy mạnh tuyên truyền, huy động cộng đồng dân cư tham gia xây dựng và duy trì tuyến phố văn minh; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, giao trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận, tổ dân phố và từng tuyến phố. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để từng bước nâng tỷ lệ tuyến phố đạt chuẩn, phấn đấu đạt tối thiểu 40% theo tiêu chuẩn đối với đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15.

- Đối với tiêu chuẩn: Công trình xanh

Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn về công trình xanh, lựa chọn các công trình phù hợp để áp dụng tiêu chí công trình xanh; khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, nước và tăng diện tích cây xanh. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn chủ đầu tư áp dụng các tiêu chuẩn công trình xanh. Ưu tiên lựa chọn các công trình công cộng như trụ sở hành chính, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa – thể thao, chợ và công trình thương mại – dịch vụ để đầu tư, cải tạo theo tiêu chí công trình xanh; khuyến khích áp dụng các hệ thống chứng nhận như LOTUS, LEED, Green Mark, phấn đấu có ít nhất 01 công trình được chứng nhận theo quy định.

- Đối với tiêu chuẩn: Kế hoạch phát triển đô thị

Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; xác định rõ mục tiêu, danh mục dự án, nguồn vốn và lộ trình thực hiện. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và chỉnh trang đô thị.

5.2. Giải pháp về phát triển kinh tế

Trong giai đoạn tới, định hướng phát triển kinh tế xã Ân Thi được tổ chức toàn diện theo hướng công nghiệp – thương mại, dịch vụ – nông nghiệp sinh thái ứng dụng công nghệ cao; lấy phát triển công nghiệp làm hạt nhân và kinh tế đô thị làm động lực tăng trưởng cốt lõi, khu vực thương mại – dịch vụ làm mũi nhọn bứt phá nhanh và nông nghiệp hàng hóa làm nền tảng ổn định. Trên cơ sở

kế thừa các kết quả đạt được trong giai đoạn bản lề với tổng giá trị sản xuất năm 2025 đạt 3.349,80 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 82,5 triệu đồng/người/năm, địa phương hướng tới mục tiêu chiến lược năm 2030 đạt thu nhập 100 triệu đồng/người/năm và đưa giá trị thu trên 1 ha canh tác đạt 270 triệu đồng/ha/năm. Mô hình tăng trưởng mới sẽ chuyển dịch mạnh mẽ dựa trên năng suất lao động phi nông nghiệp (hiện chiếm 71,99% cơ cấu lao động), ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đồng bộ.

- Trọng tâm đột phá trước mắt là đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật dùng chung và khai thác tối đa lợi thế thu hút đầu tư của các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn. Tập trung phối hợp chặt chẽ với các nhà đầu tư đẩy mạnh triển khai KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư) và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám (đã tiếp nhận tài trợ kinh phí lập quy hoạch), cùng với Cụm công nghiệp hiện hữu đang có tiến độ xây dựng hạ tầng đạt trên 70%. Ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. Đồng thời, phát triển mạnh không gian doanh nghiệp phụ trợ xung quanh các khu, cụm công nghiệp; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tư nhân tham gia sâu vào chuỗi cung ứng dịch vụ vận tải, logistics, kho bãi (rộng 0,89 km² quỹ đất cụm công nghiệp), dịch vụ ăn uống, lưu trú và thương mại phục vụ dòng lao động dịch chuyển.

- Phát triển khu vực thương mại – dịch vụ trở thành ngành tăng trưởng chủ lực, đưa giá trị sản xuất dịch vụ (hiện đạt 986,0 tỷ đồng, chiếm 29,43% cơ cấu kinh tế) tiếp tục bứt phá mạnh mẽ. Tập trung quy hoạch, hình thành hệ thống cửa hàng tiện ích, cơ sở dịch vụ tài chính – ngân hàng, mạng lưới siêu thị, nhà hàng hiện đại tại lõi đô thị trung tâm và dọc theo các trục giao thông xương sống đối ngoại gồm Quốc lộ 38, ĐT.376 và ĐT.386. Khuyến khích nhân dân đầu tư, phát triển các tuyến phố chuyên doanh gắn liền với quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị, bảo đảm chỉ giới, khoảng lùi và nâng cao hiệu quả kinh tế của quỹ đất xây dựng.

- Đối với ngành nông nghiệp - thủy sản, tổ chức tái cơ cấu quyết liệt theo hướng giảm sản xuất nhỏ lẻ, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với vùng nguyên liệu cho sản phẩm OCOP địa phương. Duy trì và tối ưu năng suất gieo trồng 2.197 ha (với tỷ lệ lúa chất lượng cao đạt trên 81%) và mạng lưới 144,24 ha nuôi trồng thủy sản đạt chuẩn an toàn sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tưới tiết kiệm, truy xuất nguồn gốc số, đưa tỷ lệ phân loại và xử lý rác thải hữu cơ từ hộ gia đình đạt 85%, xây dựng thương hiệu nông sản sinh thái vững chắc kết nối cung cầu qua sàn thương mại điện tử.

- Song song với phát triển kinh tế, địa phương đặc biệt quan tâm đến công tác an sinh xã hội, tổ chức đào tạo nghề và chủ động chuyển đổi việc làm cho lao động nông thôn bị thu hồi đất phục vụ dự án đường Tân Phúc - Võng Phan và các khu đô thị mới. Hướng nghiệp, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2030, ưu tiên cung ứng lực lượng lao động kỹ thuật cao cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn; đồng thời phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn xã xuống còn 0%.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý điều hành của bộ máy Ủy ban nhân dân xã đô thị tương lai. Hoàn thiện việc áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, nâng cao năng lực giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, bảo đảm kết nối thông suốt dữ liệu dân cư và đất đai.

- Quá trình phát triển kinh tế phải gắn chặt với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nghiêm ngặt 1,54 km² diện tích sông, kênh mương, mặt nước nhằm tiêu thoát nước mưa an toàn. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải rắn, rác thải y tế, đưa tỷ lệ cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn môi trường lên 90% và bảo đảm 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn quốc gia.

- Tập trung mọi nguồn lực, phát huy nội lực ngân sách kết hợp xã hội hóa thu hút đầu tư để hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khung đạt tiêu chí nâng cấp lên đô thị loại III. Triển khai đồng bộ các dự án ngầm hóa lưới điện hạ thế, mạng cáp viễn thông; bảo đảm tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh; củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân tại toàn bộ 29 tổ dân phố hiện đại.

5.3. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

- Đối với định hướng phát triển văn hóa – xã hội, xã Ân Thi cần gắn kết chặt chẽ tiến trình nâng cấp thiết chế với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh và mục tiêu cốt lõi xây dựng địa bàn trở thành khu vực đô thị văn minh, hiện đại. Trọng tâm chiến lược là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đô thị, hoàn thiện mạng lưới giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và các chính sách an sinh xã hội; đồng thời bảo tồn, phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, truyền thống hiếu học lâu đời của địa phương. Địa phương tiếp tục duy trì và nâng cao năng lực khai thác công năng khối tài sản công sẵn có tại trạm y tế trung tâm, hệ thống các điểm trường đạt chuẩn quốc gia và mạng lưới nhà văn hóa gắn liền với 29 tổ dân phố tương lai. Đối với các không gian phát triển mới và khu đô thị nội thị, quy hoạch bắt buộc phải dành quỹ đất công trình công cộng rộng 0,35

km² để xây dựng đồng bộ các thiết chế hạ tầng xã hội, công viên cây xanh, bãi đỗ xe và không gian công cộng đa chức năng, bảo đảm tối ưu bán kính phục vụ và khả năng tiếp cận thuận lợi cho 30.925 cư dân trên địa bàn.

- Cùng với việc hoàn thiện hệ thống thiết chế, địa phương chú trọng nâng cao toàn diện chất lượng đời sống tinh thần cho nhân dân, đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thao quần chúng và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (đạt tỷ lệ gia đình văn hóa 94,2%). Thực hiện tốt công tác bảo tồn, tu bổ và tôn vinh 07 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng (gồm 01 di tích cấp quốc gia và 06 di tích cấp tỉnh), gắn bảo tồn di sản hiếu học với chỉnh trang cảnh quan đô thị và phát triển kinh tế thương mại - dịch vụ sầm uất. Từng bước thiết lập nếp sống văn minh đô thị, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân về bảo vệ môi trường, trật tự xây dựng, khoảng lùi kiến trúc và an toàn giao thông trên các trục huyết mạch như Quốc lộ 38, ĐT.376 và ĐT.386.

- Đặc biệt, trong bối cảnh các hành lang công nghiệp – đô thị – dịch vụ trọng điểm bứt phá mạnh mẽ, tiêu biểu là KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám, địa phương xác định công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tăng cường cơ chế liên kết ba bên giữa chính quyền địa phương, các cơ sở đào tạo, Trung tâm GDNN - GDTX với các doanh nghiệp thứ cấp để cung ứng lao động theo đúng nhu cầu thị trường; trong đó ưu tiên giải quyết việc làm phi nông nghiệp cho lao động địa phương và các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng phục vụ dự án đường Tân Phúc - Võng Phan. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% (trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 50%), thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu kinh tế phi nông nghiệp vượt ngưỡng vững chắc và hạ tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xuống còn 0%. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đền ơn đáp nghĩa, chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt qua tài khoản (hiện đạt tỷ lệ từ 92,81% đến 98,05%), bảo đảm các nhóm đối tượng yếu thế đều được thụ hưởng trực tiếp và bình đẳng từ thành quả phát triển kinh tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số sâu rộng trong quản lý văn hóa – xã hội, tăng cường hiệu năng hoạt động của bộ máy chính quyền đô thị thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06. Hiện thực hóa môi trường giao tiếp mạng, áp dụng đồng bộ Hệ thống Quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015, mở rộng vùng phủ sóng Wi-Fi công cộng tiện ích và thúc đẩy thanh toán số trong mọi dịch vụ công.

- Công tác bảo đảm an ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được củng cố vững chắc; triển khai quyết liệt đề án chuyển hóa, xây dựng địa bàn xã Ân Thi mới không có ma túy và giảm tối đa các vụ trật tự xã hội. Thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân nhập ngũ hằng năm, xây dựng 'Thế trận lòng dân' vững chắc gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, xử lý rác thải hữu cơ đạt tỷ lệ 85%, cam kết không để xảy ra các điểm nghẽn hay khu vực ô nhiễm nghiêm trọng tại toàn bộ không gian nội thị.

Mục tiêu tổng quát là xây dựng xã Ân Thi trở thành đơn vị hành chính đô thị kiểu mẫu có hệ thống hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại; nâng cao tiêu chí trường học đạt chuẩn quốc gia lên 100% mức độ 2; giữ vững địa bàn đạt chuẩn quốc gia về y tế, đạt 10 bác sỹ/1 vạn dân và tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số vào năm 2030. Đây chính là bệ đỡ pháp lý và thực tiễn vững chắc để thiết lập mô hình quản lý chính quyền đô thị thông minh, xanh, giàu bản sắc, kết nối liên vùng chiến lược và không ngừng nâng cao chất lượng sống toàn diện cho nhân dân.

5.4. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Đối với công tác quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn xã Ân Thi, các giải pháp cần được thực hiện theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, gắn chặt với tiến trình phát triển hành lang công nghiệp – đô thị – dịch vụ – logistics công nghệ cao và mục tiêu thiết lập bộ máy chính quyền đô thị hiện đại. Trước hết, cần chủ động rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy hoạch xây dựng trên địa bàn, bảo đảm tính thống nhất tuyệt đối giữa Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030 (được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026), Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi và kế hoạch sử dụng đất hằng năm. Cập nhật đầy đủ, đồng bộ mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, đặc biệt là không gian KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám, KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám cùng hệ thống các dự án khu dân cư đô thị mới.

- Tổ chức không gian phát triển đô thị tập trung, lấy khu vực lõi đô thị trung tâm (thị trấn Ân Thi cũ) và các hành lang giao thông xương sống gồm Quốc lộ 38, ĐT.376 kết nối mạng lưới đất giao thông đạt 2,88 km² làm khung cấu trúc đô thị chủ đạo. Phát triển mạnh các phân khu thương mại – dịch vụ sầm uất đạt giá trị sản xuất 986,0 tỷ đồng và các khu cư trú hiện đại tại những vị trí có lợi thế liên kết vùng cao. Quy hoạch không gian phát triển các khu công nghiệp tập trung đạt diện tích 0,89 km² đất khu cụm công nghiệp phải được xác định là động lực tăng trưởng cốt lõi, bảo đảm tổ chức đồng bộ giữa khu sản xuất với hệ thống hạ tầng dùng chung, khu dịch vụ logistics, nhà ở công nhân, nhà ở

xã hội và trạm y tế cơ sở; đồng thời kiểm soát nghiêm ngặt khoảng cách an toàn môi trường, mật độ và bố trí các dải cây xanh cách ly đạt chuẩn quốc gia.

- Đối với không gian cư trú hiện hữu, xã đô thị tập trung triển khai các phương án chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật theo hướng kiên cố hóa công trình kiến trúc cao tầng, nâng cấp mở rộng đường nội thị, hoàn thiện mạng lưới điện trung hạ áp và hệ thống chiếu sáng công cộng đạt chỉ tiêu 100% trên các tuyến phố chính; từng bước xử lý dứt điểm tình trạng đường nhỏ hẹp, thiếu vỉa hè hoặc xây dựng tự phát tại các địa bàn sáp nhập. Đối với các khu đô thị và không gian cư trú mới, chỉ cho phép triển khai xây dựng trên cơ sở tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết được phê duyệt là đô thị loại III, bảo đảm đồng bộ hoàn hảo giữa nhà ở với vỉa hè, hệ thống hạ tầng số, các trường mầm non và phổ thông hướng tới mục tiêu 100% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2030, các thiết chế văn hóa thể thao, sân chơi và bãi đỗ xe; kiên quyết hạn chế hình thành các khu dân cư phân lô nhỏ lẻ, manh mún tự phát dọc các tuyến giao thông đối ngoại.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, kiến trúc và trật tự xây dựng thuộc bộ máy chính quyền đô thị mới. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp, lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông và hành lang thủy lợi theo đúng tinh thần Kế hoạch 93A/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, thực hiện nghiêm các quy định về quản lý kiến trúc, kiểm soát chiều cao tầng, mật độ xây dựng, khoảng lùi, hình thức thẩm mỹ kiến trúc mặt đứng, quản lý biển hiệu quảng cáo và tổ chức không gian vỉa hè thông minh nhằm tạo lập diện mạo thẩm mỹ đô thị thống nhất, văn minh.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới cây xanh, công viên, vườn hoa phục vụ lợi ích công cộng đạt quỹ đất công trình công cộng rộng 0,35 km²; gắn kết chặt chẽ với công tác bảo vệ nghiêm ngặt hệ thống ao, hồ, sông ngòi và kênh mương thủy lợi hiện có với diện tích mặt nước đạt 1,54 km² nhằm hình thành không gian xanh - mặt nước sinh thái có khả năng hỗ trợ điều hòa khí hậu và tiêu thoát nước mưa an toàn, cam kết không để xảy ra các điểm nghẽn hay khu vực ô nhiễm nghiêm trọng. Ưu tiên nguồn lực hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu dùng chung, trọng tâm là hạ ngầm lưới điện hạ thế, mạng cáp viễn thông, bảo đảm 100% hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và đưa tỷ lệ phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đạt chỉ tiêu 85% thông qua việc triển khai hiệu quả Đề án 178 của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và khoa học công nghệ vào công tác quản lý, quản trị phát triển đô thị; tập trung xây dựng bản đồ dữ liệu số thống nhất về đất đai, quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật đô thị trên môi trường

mạng. Triển khai đồng bộ hệ thống GIS quản lý quy hoạch, số hóa toàn diện thông tin quy hoạch kiến trúc, lập cơ sở dữ liệu ADN dân cư theo Đề án 06 và nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, xây dựng áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015. Qua đó nâng cao tính công khai, minh bạch tối đa, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân và cộng đồng doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin thị trường và tham gia giám sát hiệu quả quá trình phát triển.

- Để bảo đảm nguồn lực tài chính thực hiện ổn định và dài hạn, địa phương chủ động huy động và lồng ghép linh hoạt các nguồn vốn đầu tư công bằng ngân sách nhà nước, nguồn thu điều tiết từ đấu giá quyền sử dụng đất (kế thừa kết quả đấu giá thành công 125 suất đất đạt 451.353 triệu đồng), nguồn vốn tự có của các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân và các hình thức đầu tư theo mô hình Hợp tác Công - Tư (PPP); ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các dự án hạ tầng giao thông đối ngoại có tính kết nối và lan tỏa lan tỏa cao (như dự án hành lang đường Tân Phúc - Võng Phan). Tiến trình phát triển phải bảo đảm nguyên tắc sử dụng quỹ đất tiết kiệm, hiệu quả, giữ gìn hài hòa các giá trị kiến trúc lịch sử tâm linh của 07 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các tác động đến môi trường sinh thái đô thị.

Mục tiêu tổng quát là xây dựng xã Ân Thi theo mô hình đô thị loại III phát triển tập trung, thông minh, xanh, hiện đại, giàu bản sắc và thích ứng cao với biến đổi khí hậu; trong đó lấy phát triển công nghiệp công nghệ cao và hành lang thương mại - dịch vụ làm động lực tăng trưởng chi phối, hệ thống không gian cư trú đô thị được chỉnh trang đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hoàn thiện hoàn chỉnh, tạo nền tảng vĩ mô vững chắc để chính quyền đô thị mới đáp ứng hoàn hảo các tiêu chuẩn nâng cấp đơn vị hành chính và phát triển bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

5.5. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong công tác huy động nguồn lực và thu hút đầu tư, chính quyền xã Ân Thi xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu nhằm tạo bước đột phá mạnh mẽ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung, phát triển công nghiệp công nghệ cao, hành lang thương mại – dịch vụ và nâng cấp toàn diện chất lượng không gian đô thị. Địa phương thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trên cơ sở khơi sâu nội lực và tranh thủ tối đa ngoại lực theo hướng phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân. Trong đó, nguồn ngân sách nhà nước (kế thừa tổng thu ngân sách đạt 697,858 tỷ đồng năm 2025) tập trung đầu tư cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu có tính chất dẫn dắt; đồng thời tăng cường thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách thông qua đầu tư trực tiếp (FDI, ODA), xã hội hóa, nguồn vốn tín dụng và các mô hình Hợp tác Công – Tư (PPP)

để hoàn thành chỉ tiêu tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 1.000 tỷ đồng.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn về thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để khai thác tối đa lợi thế của các tổ hợp công nghiệp trọng điểm trên địa bàn. Trọng tâm là phối hợp thúc đẩy triển khai dự án KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 33/QĐ-UBND) và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám (đã tiếp nhận tài trợ kinh phí lập quy hoạch chi tiết), tạo động lực chiến lược để thu hút làn sóng đầu tư các dự án công nghiệp sạch, hiện đại, sử dụng tiết kiệm năng lượng và đất đai hiệu quả.

- Chủ động xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư đồng bộ, ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, thiết bị điện – điện tử, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics công nghệ cao kết nối với vùng kinh tế trọng điểm. Gắn thu hút đầu tư công nghiệp với việc quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng an sinh xã hội phụ trợ xung quanh như nhà ở công nhân, dự án nhà ở xã hội riêng biệt, các thiết chế y tế cơ sở và trường học đạt chuẩn nhằm hình thành hệ sinh thái đô thị – công nghiệp bền vững.

- Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội vào lĩnh vực thương mại – dịch vụ tại khu vực lõi trung tâm đô thị hiện hữu, các trục cửa ngõ giao thương chiến lược và hành lang các tuyến hành trình huyết mạch gồm Quốc lộ 38, ĐT.376 và ĐT.386. Ưu tiên mời gọi đầu tư các loại hình cửa hàng tiện ích, siêu thị, nhà hàng, tổ hợp cơ sở lưu trú đạt chuẩn, mạng lưới ngân hàng và các trung tâm dịch vụ kho bãi tổng hợp đạt tổng giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ 986,0 tỷ đồng (chiếm 29,43% cơ cấu kinh tế). Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với diện tích đất nông nghiệp 15,26 km² còn lại, tạo chuỗi liên kết giá trị bền vững kết nối trực tiếp cung cầu địa phương.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực tài nguyên đất đai trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và pháp luật đất đai hiện hành. Thực hiện công khai, minh bạch quy hoạch và phương án đấu giá quyền sử dụng đất; phát huy kết quả đấu giá thành công 125 suất đất mang lại nguồn thu trúng đấu giá đạt 451.353 triệu đồng để kết tạo vòng tuần hoàn nguồn lực tái đầu tư trực tiếp cho kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, hệ thống thoát nước mưa độc lập, cấp nước sạch và các công trình phúc lợi công cộng rộng 0,35 km² đất công trình công cộng.

- Tăng cường công tác xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đầu tư bãi đỗ xe thông minh, công viên cây xanh, nhà tang lễ và các công trình giáo dục - y tế

chất lượng cao. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận thông tin đất đai, tín dụng; thực hiện hỗ trợ chuyển đổi số, áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 và thúc đẩy các hộ kinh doanh cá thể đủ điều kiện nâng cấp thành doanh nghiệp, tham gia chuỗi cung ứng phi nông nghiệp.

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công, giải quyết hồ sơ hoàn toàn trên môi trường mạng trực tuyến. Chủ động thiết lập cơ chế phối hợp dọc giữa cơ quan chính quyền xã với các sở, ngành cấp tỉnh và các ban quản lý dự án để giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh về bồi thường, giải phóng mặt bằng bạt nền (như hành lang tuyến đường Tân Phúc - Võng Phan).

- Đồng thời, phát huy tối đa sức mạnh của cộng đồng dân cư trong việc xã hội hóa chỉnh trang cảnh quan tuyến phố, giữ gìn vệ sinh môi trường, xử lý rác thải hữu cơ từ hộ gia đình đạt chỉ tiêu 85% và tôn tạo bảo vệ nghiêm ngặt 07 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Gắn huy động nguồn lực đầu tư với tiến trình bảo đảm an sinh phúc lợi, phấn đấu hạ tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn địa bàn xuống còn 0% và bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng trực tiếp từ thành quả nâng cấp chính quyền đô thị.

Mục tiêu cốt lõi là xây dựng xã Ân Thi trở thành địa bàn có môi trường đầu tư thông thoáng, quỹ đất xây dựng đô thị rộng 7,51 km² và quỹ đất ở rộng 2,91 km² được khai thác hiệu quả tối ưu, hạ tầng kỹ thuật khung hoàn chỉnh là đô thị loại III, sẵn sàng vận hành mô hình quản lý đô thị thông minh, xanh, hiện đại và không ngừng nâng cao chất lượng sống toàn diện cho nhân dân.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết Luận

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện về vị trí địa lý, vai trò chiến lược, hiện trạng phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trên địa bàn, có thể khẳng định xã Ân Thi hội tụ đầy đủ các lợi thế, tiềm năng vượt trội để chuyển dịch toàn diện sang mô hình quản lý chính quyền đô thị. Địa phương giữ vị trí trung tâm hạt nhân tại Vùng động lực phía Bắc tỉnh Hưng Yên, sở hữu hành lang giao thông đối ngoại đồng bộ gồm Quốc lộ 38, ĐT.376. Nền kinh tế địa phương đang bứt phá mạnh mẽ với tổng giá trị sản xuất năm 2025 đạt 3.349,80 tỷ đồng; trong đó, cơ cấu các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ trọng chi phối 78,87%. Đặc biệt, sự hình thành và đẩy mạnh triển khai của các dự án trọng điểm như KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và KCN Tân Phúc - Quang Vinh - Hoàng Hoa Thám đang tạo động lực chiến lược thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu lao động phi nông nghiệp đạt tỷ lệ 71,99%, thu hút các dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước, cải thiện mạnh mẽ thu nhập của người dân đạt 78,30 triệu đồng/người/năm.

Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội của xã từng bước được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại – dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tiếp tục được hoàn thiện. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng và chỉnh trang khu dân cư ngày càng được quan tâm, tạo tiền đề cho việc hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xã vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục như hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại một số khu vực chưa đồng bộ; chất lượng một số tuyến giao thông và hệ thống thoát nước còn hạn chế; không gian cây xanh, công viên, khu vui chơi công cộng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu; việc chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu cần được đẩy mạnh; công tác quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường cần tiếp tục tăng cường. Đây là những nội dung cần được tập trung đầu tư, hoàn thiện trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp, với lợi thế về vị trí, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, động lực công nghiệp, khả năng thu hút đầu tư, hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện và định hướng phát triển đô thị rõ ràng, xã Ân Thi có cơ sở và tiềm năng để tổ chức phát triển theo mô hình đô thị, hướng tới đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí của đô thị loại III theo quy định hiện hành. Qua đánh giá hiện trạng phát triển đô thị năm 2025, xã Ân Thi đã hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III.

Việc công nhận xã Ân Thi là đô thị loại III, khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện và tiêu chí theo quy định của pháp luật, sẽ tạo cơ sở quan trọng để nâng cao vị thế, phát huy tiềm năng, thu hút nguồn lực đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

Việc công nhận không chỉ có ý nghĩa về mặt quản lý hành chính mà còn là cơ sở để định hướng đầu tư phát triển không gian, hạ tầng và cảnh quan đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh và bền vững; đồng thời tạo động lực khai thác hiệu quả các lợi thế về công nghiệp, thương mại – dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa và các giá trị văn hóa – lịch sử của địa phương. Đồng thời đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong xã Ân Thi trong việc góp phần xây dựng và nâng cấp hệ thống đô thị của tỉnh Hưng Yên, là điều kiện thuận lợi để xã tiếp tục phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp./.

2. Kiến Nghị

Để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc công nhận xã Ân Thi là đô thị loại III và tổ chức phát triển đô thị theo hướng bền vững, kính đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, hỗ trợ địa phương thực hiện một số nội dung sau:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội có tính chất động lực, nhất là giao thông đối ngoại, các tuyến đường kết nối khu công nghiệp, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điện, chiếu sáng, viễn thông, trường học, y tế, văn hóa – thể thao, cây xanh và không gian công cộng.

- Tạo điều kiện để xã phối hợp triển khai hiệu quả các Khu, cụm công nghiệp và các dự án đầu tư trên địa bàn; đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, thu hút các dự án có công nghệ Ân Thi, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; đồng thời phát triển các khu dịch vụ, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội và hệ thống hạ tầng xã hội phục vụ người lao động.

- Hỗ trợ địa phương khai thác hiệu quả các nguồn lực đất đai, nguồn thu từ đất và các nguồn vốn hợp pháp khác để tái đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; khuyến khích các hình thức xã hội hóa, hợp tác công – tư và huy động nguồn lực doanh nghiệp nhằm giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục hỗ trợ xã trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiến trúc cảnh quan; tăng cường kiểm soát phát triển xây dựng tự phát, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có giá trị, hành lang giao thông, thủy lợi, mặt nước, cây xanh và các khu vực có giá trị cảnh quan, văn hóa.

- Quan tâm đầu tư và nâng cao chất lượng các công trình phục vụ dân sinh, nhất là giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và các

không gian công cộng; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị và chất lượng sống của người dân.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch và quản lý đô thị; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng GIS trong quản lý không gian đô thị, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến và xây dựng các tiện ích đô thị thông minh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Sau khi được công nhận là đô thị loại III, cần tiếp tục xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị theo từng giai đoạn, xác định rõ các dự án ưu tiên, nguồn vốn, tiến độ và trách nhiệm thực hiện; thường xuyên rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí để duy trì và nâng cao chất lượng đô thị, hướng tới xây dựng Ân Thi trở thành đô thị xanh, hiện đại, có bản sắc, phát triển bền vững và có chất lượng sống cao.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiềm năng phát triển và định hướng trong thời gian tới, việc xem xét công nhận xã Ân Thi là đô thị loại III là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, quá trình đô thị hóa và định hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên. Đây sẽ là động lực quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Uỷ ban nhân dân xã Ân Thi kính trình đề án công nhận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới./.

Ký bởi: UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ ÂN THI
Cơ quan: UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 29/09/2026 11:09:07

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

Nguyễn Hùng Cường

TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ ÂN THI THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III
(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại III		Năm 2025	Điểm
				Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**		**11,50**	**15,00**				**15,00**
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		5,50	7,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	7,00
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		6,00	8,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	8,00
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**		**15,50**	**20,00**				**18,59**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	1000 người	5,50	7,00	20	200	30,93	5,59
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	4,50	6,00	500	1000	1269	6,00
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	5,50	7,00	55	65	71,99	7,00
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ**		**48,00**	**65,00**				**51,57**

		THỊ							
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**		**18,25**	**25,00**				**23,34**
3.1.1		***Giao thông***		***7,00***	***9,00***				***9,00***
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		3,00	4,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	*4,00*
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km 2	4,00	5,00	4	6	18,06	5,00
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***		***4,75***	***7,00***				***6,50***
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	2,00	3,00	85	95	90,00	2,50
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km 2	2,00	3,00	3	3,5	9,69	3,00
3	2A.III.010	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	0,75	1,00	50	70	100,00	1,00
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***		***2,00***	***3,00***				***3,00***
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	2,00	3,00	70	80	85,73	3,00
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***		***4,50***	***6,00***				***4,84***
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	2,00	3,00	50	70	56,83	2,34
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	2,50	3,00	có dự án	1 nhà tang lễ	có dự án	2,50
III.2		***Về hạ tầng xã hội***		***18,25***	***25,00***				***22,50***
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	3,75	5,00	30	35	32,34	4,33
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	3,75	5,00	1	10	4,00	4,17
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	%	3,75	5,00	2	10	15,00	5,00
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3,00	4,00	2	5	3,00	3,33

5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2,00	3,00	2	5	4,00	2,67
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	2,00	3,00	1,5	2	4,23	3,00
III.3		***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***		***11,50***	***15,00***				***5,73***
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	3	4	1,00	2,00	0,00	0,00
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	2	3	25,00	35,00	68,74	3,00
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	2,50	3,00	6,00	7,00	6,45	2,73
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	4,00	5,00	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên	Chưa có quy chế	0,00
		Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		**75,00**	**100,00**				**85,16**

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN XÃ ÂN THI SO VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đạt trình độ loại III		Hiện trạng năm 2025	
				Mức quy định	Điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,02**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,4 1	5 3,5	1,02	3,57
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	1,2 1	6 4,5	1,06	4,95
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4 5	4 3,5	0,39	4
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				Có di tích lịch sử cấp quốc gia	0,5
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*					
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**16,11**
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	6.000 4.000	10 8	4.170	8,17

2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	75	6	57,34	4,94
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**52,61**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**21,77**
3.1.1		***Giao thông***			***6,5-9***		***8,1***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	17	3	14,31	2,46
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m²/người	9	3	34,31	3
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	50	3	42,86	2,64
				40	2,5		
		Điểm cộng					
-		Có hệ thống giao thông ngầm					
-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					
-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					

3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		***4,00***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	102,10	2
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	50	2	100	2
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	35	2	0	0
				20	1,5		
		Điểm cộng					
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...					
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					
3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***			***3-4***		***3,83***
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90	2	93,76	2
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	75	1	58,20	0,83
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	15	1	54,59	1
				5	0,75		
		Điểm cộng					
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					

		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***			***3-4***		***3,84***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.000 400	2 1,5	1291,04	2
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	95 80	1 0,75	100,00	1
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	50 15	1 0,75	28,57	0,84
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		***2,0***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100 80	2 1,5	84,47	1,61
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)					
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**20,09**
3.2.1		***Nhà ở***			***4,5-6***		***4***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2 sàn/người	32 28	4 3	33,47	4

2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	0	0
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng					
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2		***Công trình công cộng***			***14-19***		***16,09***
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	110	3	158,01	0
				50	2		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	4	4	3,86	3,85
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	3

				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	2	3	2,37	3
				1,8	2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	1,5	3	1,37	2,74
				1	2		
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	0,5
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					

		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**10,75**
3.3.1		***Không gian đô thị***			***3-4***		***3,5***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	3 2	2 1,5	3,58	2
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	5 1	2 1,5	1	1,50
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao					
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		***1***
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	40 20	2 1,5	0	0
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	3 1	1 0,75	12	1
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	2 1	1 0,75	0	0
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					

-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị					
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3		***Quản trị đô thị***			***5-7***		***6,25***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	60	2	62,45	2
				35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	100	1
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	95	2	100	2
				90	1,5		

		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất					
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
Tổng					**75-100**		**81,74**

CÁC BẢNG BIỂU LIÊN QUAN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025
(Số liệu tính đến hết ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Đơn vị tính	Tổng dân số (người)
1	Dân số thường trú	Người	30.550
2	Dân số tạm trú quy đổi	Người	375
3	Tổng dân số	Người	30.925

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ so với tổng diện tích đất tự nhiên (%)	Ghi chú
	Diện tích đất tự nhiên	**2.437,70**	**100,00**	
A	**Đất xây dựng đô thị**	**741,61**	**30,42**	
I	***Đất dân dụng***	***488,63***	20,04	
1	Đất ở	290,77	11,93	
2	Đất công trình công cộng	35,09	1,44	
3	Đất cây xanh công cộng	34,50	1,42	
4	Đất giao thông đối nội	128,27	5,26	
II	***Đất ngoài dân dụng***	***252,976***	**10,38**	
1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	89,08	3,65	
2	Giao thông đối ngoại	15,20	0,62	
3	Đất cơ quan, trụ sở	5,73	0,24	
4	Đất công trình thuỷ lợi	94,53	3,88	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	36,53	1,50	
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7,29	0,30	
7	An ninh quốc phòng	4,61	0,19	

B	**Đất khác**	**1.696,09**	**69,58**	
1	Đất nông nghiệp	1.646,06	67,53	
2	Đất đồi chưa sử dụng			
3	Đất bằng chưa sử dụng	0,33	0,01	
4	Đất có mặt nước chuyên dùng	49,509	2,03	
5	Đất khác	0,19	0,01	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ T.T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

T. HƯNG YÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 3: CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
I	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**			
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra	%	78,87	
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được	%	78,87	
II	**Thu nhập bình quân đầu người trên năm**			
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Ân Thi	Tr. Đồng/năm	82,50	
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Tr. Đồng/năm	78,60	
	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	lần	1,06	
II	**Lao động**			
	Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	14.300	
	Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại	Người	10.295	
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	71,99	
III	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	%	1,02	
IV	**Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**			
	Tổng số hộ trên địa bàn xã	hộ	9.025	
	Tổng số hộ nghèo	hộ	35	
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn	%	0,39	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)	Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải)	Tuyến đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km)	Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng cộng			**133,90**	**1.061.090,00**	**71,86**		**133,90**	
I	**Đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh**			**20,77**	**304.370,00**	**20,77**		**20,77**	
1	Đường cao tốc Hà Nội- HP	22,50	33,00	2,45	80.850	2,45	x	2,45	x
2	Đường QL 38	9,00	11,00	7,32	80.520	7	x	7,32	x
3	Đường TL.376	11,00	13,00	11,00	143.000	11,00	x	11,00	
II	**Đường trục xã**			**2,40**	**46.400,00**	**2,40**		**2,40**	
1	ĐX.189	9,00	20,00	3,30	29.700,00	3,30		3,30	
2	ĐX.190	7,50	20,00	2,3	17.250,00	2,30		2,30	
3	ĐX.191	9,00	15,00	1,1	9.900,00	1,10		1,10	
4	ĐX.192	9,00	15,00	3,75	33.750,00	3,75		3,75	
5	ĐX.193	9,00	15,00	3,3	29.700,00	3,30		3,30	
6	ĐX.194	9,00	15,00	2,8	25.200,00	2,80		2,80	
1	Đường mùng 3/2	9,00	34,00	0,53	17.918	0,53		0,53	
2	Đường nối đường mùng 3/2 với QL.38	9,00	24,00	0,21	5.112	0,21		0,21	
3	Đường Hoàng Văn Thụ	9,00	20,50	0,84	17.220	0,84		0,84	
4	Đường Đỗ Sỹ Họa	9,00	7,50	0,82	6.150	0,82		0,82	
III	**Đường trục thôn**			**110,73**	**710.320,00**	**48,69**		**110,73**	

5	Đường số 1 - Phúc Thị	3	5	2,65	13.250	2,65		2,65	
6	Đường số 2 -Phúc Thị	3	5	2,25	11.250			2,25	
7	Đường số 3 - Phúc Thị	3	5	3,2	16.000	3,2		3,20	
8	Đường số 4 - Phúc Thị	3,5	5,5	1,3	7.150			1,30	
9	Đường số 5 - Phúc Thị	4	6	2,25	13.500			2,25	
10	Đường số 6 - Phúc Thị	3	5	1,83	9.150			1,83	
11	Đường số 1 - Tân Phúc	3	5	1,72	8.600	1,72		1,72	
12	Đường số 2 - Tân Phúc	4	6	1	6.000			1,00	
13	Đường số 3 - Tân Phúc	4	6	1,65	9.900			1,65	
14	Đường số 4 - Tân Phúc	5,5	7,5	0,89	6.675			0,89	
15	Đường số 5 - Tân Phúc	4,5	6,5	1,75	11.375	1,75		1,75	
16	Đường số 6 - Tân Phúc	3	5	1,3	6.500	1,3		1,30	
17	Đường số 7 - Tân Phúc	4	6	0,4	2.400			0,40	
18	Đường số 8 - Tân Phúc	4	6	1,8	10.800			1,80	
19	Đường số 9 - Tân Phúc	4	6	1,4	8.400	1,4		1,40	
20	Đường số 10 - Tân Phúc	4,5	6,5	1,27	8.255			1,27	
21	Đường số 1 Gia Ngọc	4,5	6,5	1,8	11.700	1,8		1,80	
22	Đường số 2 - Gia Ngọc	3,5	5,5	2,4	13.200			2,40	
23	Đường số 3 - Gia Ngọc	3	5	1,77	8.850	1,77		1,77	
24	Đường số 1 - Đỗ Thượng	4	6	1,4	8.400			1,40	
25	Đường số 2 - Đỗ Thượng	4	6	1,63	9.780	1,63		1,63	
26	Đường số 3 - Đỗ Thượng	4	6	1,77	10.620			1,77	
27	Đường số 4 - Đỗ Thượng	4	6	1,38	8.280			1,38	
28	Đường số 1 - Quang Vinh	3,5	5,5	1,58	8.690	1,58		1,58	
29	Đường số 2 - Quang Vinh	4	6	1,2	7.200			1,20	
30	Đường số 3 - Quang Vinh	3	5	1,58	7.900			1,58	
31	Đường số 4 - Quang Vinh	4	6	1,2	7.200	1,2		1,20	
32	Đường số 1 - Đỗ An	2,5	4,5	1,47	6.615			1,47	
33	Đường số 2 - Đỗ An	4,5	6,5	1,2	7.800	1,2		1,20	
34	Đường số 3 - Đỗ An	4	6	1,42	8.520			1,42	

35	Đường số 4 - Đỗ An	4	6	1,2	7.200			1,20	
36	Đường số 5 - Đỗ An	3	5	1,35	6.750			1,35	
37	Đường số 6 - Đỗ An	5,5	7,5	1,2	9.000	1,2		1,20	
38	Đường số 7 - Đỗ An	3	5	1,26	6.300			1,26	
39	Đường số 8 - Đỗ An	4,5	6,5	1,2	7.800			1,20	
40	Đường số 9 - Đỗ An	5	7	1,5	10.500			1,50	
41	Đường số 10 - Đỗ An	4,5	6,5	1,2	7.800	1,2		1,20	
42	Đường số 1 - Hoàng Hoa Thám	3,5	5,5	1,26	6.930			1,26	
43	Đường số 2 - Hoàng Hoa Thám	4	6	1,2	7.200			1,20	
44	Đường số 3 - Hoàng Hoa Thám	3	5	1,26	6.300	1,26		1,26	
45	Đường số 4 - Hoàng Hoa Thám	4,5	6,5	1,2	7.800			1,20	
46	Đường số 5 - Hoàng Hoa Thám	3,5	5,5	1,19	6.545			1,19	
47	Đường số 6 - Hoàng Hoa Thám	2,5	4,5	1,2	5.400	1,2		1,20	
48	Đường số 7 - Hoàng Hoa Thám	4,5	6,5	1,63	10.595			1,63	
49	Đường số 8 - Hoàng Hoa Thám	3,5	5,5	1,2	6.600	1,2		1,20	
50	Đường số 9 - Hoàng Hoa Thám	4	6	1,38	8.280			1,38	
51	Đường số 10 - Hoàng Hoa Thám	3,5	5,5	1,2	6.600	1,2		1,20	
52	Đường số 11 - Hoàng Hoa Thám	4	6	1,41	8.460			1,41	
53	Đường số 12 - Hoàng Hoa Thám	3,5	5,5	1,2	6.600	1,2		1,20	
54	Đường số 13 - Hoàng Hoa Thám	4	6	1,67	10.020	1,67		1,67	
55	Đường số 14 - Hoàng Hoa Thám	5	7	1,2	8.400			1,20	
56	Đường số 15 - Hoàng Hoa Thám	4	6	1,45	8.700	1,45		1,45	
57	Đường số 1 - Phạm Ngũ Lão	3,5	5,5	1,2	6.600			1,20	
58	Đường số 2 - Phạm Ngũ Lão	4,5	6,5	1,58	10.270	1,58		1,58	
59	Đường số 3 - Phạm Ngũ Lão	4	6	1,2	7.200			1,20	
60	Đường số 4 - Phạm Ngũ Lão	5	7	1,39	9.730	1,39		1,39	
61	Đường số 5 - Phạm Ngũ Lão	3,5	5,5	1,2	6.600			1,20	
62	Đường số 6 - Phạm Ngũ Lão	5	7	1,39	9.730	1,39		1,39	
63	Đường số 1 - Nguyễn Trung Ngạn	5	7	1,2	8.400	1,2		1,20	
64	Đường số 2 - Nguyễn Trung Ngạn	4,5	6,5	1,6	10.400			1,60	
65	Đường số 3 - Nguyễn Trung Ngạn	2,5	4,5	1,2	5.400			1,20	
66	Đường số 4 - Nguyễn Trung Ngạn	4	6	1,3	7.800	1,3		1,30	
67	Đường số 5 - Nguyễn Trung Ngạn	3,5	5,5	1,2	6.600			1,20	
68	Đường số 6 - Nguyễn Trung Ngạn(đường Đỗ Sỹ Họa)	11	13	1,45	18.850	1,45		1,45	
69	Đường số 7 - Nguyễn Trung Ngạn	4	6	1,2	7.200	1,2		1,20	
70	Đường số 8 - Nguyễn Trung Ngạn	5,5	7,5	1,18	8.850			1,18	
71	Đường số 9 - Nguyễn Trung Ngạn	4,5	6,5	1,2	7.800	1,2		1,20	
72	Đường số 1 - Thổ Hoàng(Đường mùng 3 tháng 2)	34	36	1,54	55.440			1,54	
73	Đường số 2 - Thổ Hoàng(Đường Hoàng Văn Thụ)	10	12	1,2	14.400			1,20	
74	Đường số 3 - Thổ Hoàng	5	7	1,6	11.200	1,6		1,60	
75	Đường số 4 - Thổ Hoàng	3	5	1,2	6.000			1,20	
76	Đường số 5 - Thổ Hoàng	4	6	1,5	9.000			1,50	
77	Đường số 6 - Thổ Hoàng	3,5	5,5	1,2	6.600	1,2		1,20	

78	Đường số 1 - Phú Bình	3,5	5,5	1,55	8.525			1,55	
79	Đường số 2 - Phú Bình	3	5	1,2	6.000	1,2		1,20	
80	Đường số 3 - Phú Bình	4	6	1,9	11.400			1,90	
81	Đường số 4 - Phú Bình	3	5	1,2	6.000	1,2		1,20	
82	Đường số 5 - Phú Bình	2,5	4,5	0,13	585			0,13	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ AN T.HƯNG T.TỈNH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng		**15.450**	
I	**Bến xe, Nhà ga, Bến cảng**		**15.450**	
1	Bến xe khách huyện Ân Thi	xã Ân Thi	15.450	
II	**Bãi đỗ xe**		**0**	
1	Không có		0	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THỊ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực cấp nước	Quy mô dân số (Người)	Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Ghi chú
1	Xã Ân Thi	30.925	27.833	90,00	102,10	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THỊ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Trạm xử lý nước thải	Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)	Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)	Ghi chú
1	Trạm xử lý nước thải thị trấn Ân Thi	400	400	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng số hộ	Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Tỷ lệ Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	9.025	0	0	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	Tổng số hộ	Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn	Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%)	Ghi chú
1	5.475	4.694	85,73	93,76	9.025	5.253	58,2	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG N

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025
(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Diện tích xây dựng theo quy hoạch (m2)	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Cánh xứ Cái Hạc (Gia Cốc)	xã Ân thi	4.183,38	6.972,30	
2	Cụm Ngọc Châu (nghĩa trang nhân dân, nghĩa địa Gò Voi)	xã Ân thi	9.938,37	11.692,20	
3	Khu mai táng xóm Tây Mai Xuyên	xã Ân thi	4.900,00	7.000,00	
4	Khu mai táng xóm Đông Mai Xuyên	xã Ân thi	4.000,00	4.000,00	
5	Khu dân cư Bình Trì (khu mả cũ)	xã Ân thi	9.000,00	9.000,00	
6	Khu dân cư Phú Thôn (khu lẻ)	xã Ân thi	2.000,00	2.000,00	
7	Nghĩa trang Đỗ Xuyên cũ	xã Ân thi	1.000,00	6.000,00	
8	Nghĩa trang An Đạm	xã Ân thi	600,00	800,00	
9	Nghĩa trang An Bá – Đã quy hoạch xong	xã Ân thi	14.000,00	14.000,00	
10	Nghĩa trang Đồng Gạch	xã Ân thi	4.500,00	5.000,00	
11	Nghĩa trang Thanh Phan	xã Ân thi	500,00	500,00	
12	Nghĩa trang Quán Hầu	xã Ân thi	4.900,00	5.000,00	
13	Nghĩa trang Mả Lên	xã Ân thi	500,00	500,00	
14	Nghĩa trang Mả Hồng	xã Ân thi	4.000,00	4.000,00	
15	Nghĩa trang Cầu Dâu	xã Ân thi	1.000,00	1.500,00	

16	Nghĩa trang Mả Kiệu	xã Ân thi	3.000,00	4.200,00	
17	Nghĩa trang Mả Giường	xã Ân thi	4.000,00	4.300,00	
18	Nghĩa trang Đá Mốc	xã Ân thi	3.000,00	4.200,00	
19	Nghĩa trang Xứ đồng thôn Hoàng Cả	xã Ân thi	14.694,00	15.600,00	
20	Xứ đồng Cánh Màu,	xã Ân thi	14.693,00	15.600,00	
21	Xứ đồng Đội 8	xã Ân thi	14.694,00	15.600,00	
22	Nghĩa trang Cổ Ngựa	xã Ân thi	3.150,00	3.900,00	
23	Nghĩa trang thôn Thị Tân	xã Ân thi	7.000,00	9.300,00	
24	Mả Khiến, Đồng Bông, Đường Ngang dài, Lăng họ Nguyễn	xã Ân thi	9.600,00	10.000,00	
25	Nghĩa trang Đống Ấn	xã Ân thi	9.500,00	10.000,00	
26	Nghĩa trang Đồng Chè	xã Ân thi	6.450,00	7.000,00	
27	Nghĩa trang Đỗ Hạ	xã Ân thi	7.500,00	8.000,00	
28	Nghĩa trang Ấp Phú	xã Ân thi	9.000,00	10.000,00	
29	Nghĩa trang Phú Cốc	xã Ân thi	11.550,00	12.000,00	
	Tổng cộng		**68.021,75**	**82.164,50**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Người/năm	**218**	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Người/năm	119	
3	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	54,6	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm	kwh	39.441.138	
2	Tổng dân số	người	30.550	
3	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.291	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	hộ	7.659	
2	Tổng số hộ dân trên địa bàn	hộ	9.067	
3	Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	%	84,47	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ dân	hộ	9.076	
2	Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố	hộ	8.555	
3	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	%	95	
4	Tổng dân số	hộ	30.925	
5	Tổng diện tích sàn	m2	1.035.060	
6	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	33,47	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
I	**Trường THCS**	1	**14.500**	
1	THCS Phạm Huy Thông		14.500	
II	**Trường Tiểu học**	**1**	**9.210**	
1	TH Ân Thi		9.210	
II	**Trường Tiểu học và Trung học cơ sở**	**3**	**31.444**	
1	TH&THCS Quang Vinh		10.833	
2	TH&THCS Tân Phúc		9.636	
3	TH&THCS Hoàng Hoa Thám		10.975	
III	**Trường Mầm non**	**4**	**18.026**	
1	MN Ân Thi		5.197	
2	MN Quang Vinh		4.530	
3	MN Tân Phúc		4.631	

4	MN Hoàng Hoa Thám		3.668	
IV	**Trường THPT, Cao đẳng, chuyên nghiệp**	**4**	**47.640**	
1	Trường THPT Phạm Ngũ Lão		14.098	
2	Trường THPT Ân Thi		20.548	
3	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng		6.982	
4	Trung tâm GDNN-GDTX		6.012	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

T.HƯNG YÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

TT	Cơ sở Y tế	Quy mô		
		Số giường	Số lượng cán bộ CNVC	Diện tích (m2)
1	Bệnh viện đa khoa	100	106	21.000
2	Các phòng khám đa khoa trên địa bàn	28	73	3.700
	Tổng cộng	**128**	**179**	**24.700**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
	Tổng		
I	**Công trình di tích lịch sử có giá trị được xếp hạng**	**34.799,6**	
1	Nhà thờ họ Đỗ	1.161,9	
2	Đình Đanh Xá	1.121,6	
3	Đình Minh Lý	2.224,0	
4	Đình - đền - chùa thôn Đỗ Thượng	1.261,6	
5	Đình An Đạm	1.706,1	
6	Chùa An Đạm	1.496,8	
7	Nghè An Đạm	2.303,0	
8	Đình Đỗ Xuyên	389,2	
9	Đình Tam Đô	1.219,8	
10	Đình - chùa Gia Cốc	2.821,6	
11	Đình - chùa Phú Cốc	1.446,8	
12	Đình - chùa Phúc Tá	2.730,5	
13	Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn	12.490,0	
14	Đình Hoàng Cả	558,5	
15	Chùa Hoàng Cả	1.868,2	
II	**Công trình văn hoá**	**29.976,0**	
1	Nhà văn hoá trung tâm xã	6.023,4	
2	Đài tưởng niệm anh hùng liệt sỹ	2.842,8	
3	Nhà văn hoá thôn	1.487,3	
4	Nhà văn hoá Thôn Thổ Hoàng	1.538,3	
5	Nhà văn hoá Thôn Phú Bình	2.398,1	
6	Nhà văn hoá Thôn Tân Phúc	2.375,3	

7	Nhà văn hoá Thôn Phúc Thị	2.314,8	
8	Nhà văn hoá Thôn Gia Ngọc	2.392,3	
9	Nhà văn hoá Thôn Quang Vinh	2.141,3	
10	Nhà văn hoá Thôn Hoàng Hoa Thám	2.020,2	
11	Nhà văn hoá Thôn Đỗ An	2.350,2	
12	Nhà văn hoá Thôn Đỗ Thượng	2.092,1	
VI	**Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện...)**	**33.655**	
1	Sân bóng trung tâm xã	5.435,6	
2	Sân bóng Hoàng Hoa Thám	3.256,7	
3	Nhà tập luyện đa năng	3.608,5	
4	Các sân bóng đá mini	1.546,4	
5	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Thổ Hoàng	2.115,3	
6	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Phú Bình	2.309,0	
7	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Tân Phúc	2.666,7	
8	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Phúc Thị	1.898,6	
9	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Gia Ngọc	2.512,6	
10	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Quang Vinh	1.604,2	
11	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Hoàng Hoa Thám	2.151,0	
12	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Đỗ An	2.415,5	
13	Sân cầu lông, bóng chuyền Thôn Đỗ Thượng	2.134,8	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ AN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

T.HƯNG YÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
1	Chợ Thổ Hoàng	1.591,0	
2	Chợ Đọ	1.929,0	
3	Chợ Tân Phúc	1.842,0	
4	Siêu thị Điện Máy Xanh	965,7	
	Tổng	**6.328**	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực	Quy mô diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng đất cây xanh		
I	Cây xanh sử dụng công cộng *(công viên, vườn hoa)*	199.466,25	
II	Đất cây xanh sử dụng hạn chế *(bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)*	65.432,78	
III	*Đất cây xanh chuyên dụng (bao gồm đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly, cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).*	45.278,72	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tuyến phố	Số lượng	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị			
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)			

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ ÂN THI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HỪNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Nhà thờ họ Đỗ	Thôn Đỗ Thượng, xã Ân Thi			X	
2	Đình Đanh Xá	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi			X	
3	Đình Minh Lý	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi		X		
4	Đình - đền - chùa thôn Đỗ Thượng	Thôn Đỗ Thượng, xã Ân Thi		X		
5	Đình - chùa - nghè An Đạm	Thôn Đỗ An xã Ân Thi		X		
6	Đình Đỗ Xuyên	Thôn Đỗ An xã Ân Thi		X		
7	Đình Tam Đô	Thôn Hoàng Hoa Thám, xã Ân Thi		X		
8	Đình - chùa Gia Cốc	Thôn Gia Ngọc, xã Ân Thi		X		
9	Đình - chùa Phú Cốc	Thôn Đỗ Hạ, xã Ân Thi		X		
10	Đình - chùa Phúc Tá	Thôn Phúc Thị, xã Ân Thi		X		
11	Đền thờ danh nhân Nguyễn Trung Ngạn	Thôn Thổ Hoàng, xã Ân Thi		X		
12	Đình - chùa Hoàng Cả	Thôn Thổ Hoàng xã Ân Thi		X		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

U.B.N.D XÃ T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN HỪNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Đơn vị hành chính	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	Ghi chú
1	UBND xã Ân thi	6.162	3.848	62,45	98,0%	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ÂN THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 10 tháng 9 năm 2026

BIỂU 23: DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐƯỢC CẢI TẠO CHỈNH TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Danh mục	Địa điểm	Năm cải tạo, chỉnh trang xây dựng	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thông Đỗ Thượng, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Bảo đến nhà bà Nguyên)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước từ đường Đỗ Sỹ Hoạ sang đường 3/2	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Hưởng)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Phú Cốc, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Chiến đến nhà ông Tuấn)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
5	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Khánh đến nhà ông Phương)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
6	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Bảo đến nhà bà Nguyên)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
7	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Thu)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh (đoạn từ nhà ông Sở đến nhà ông Biên)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
9	Xây dựng đường đường giao thông thôn Phú Thôn, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Bình Trì, thị trấn Ân Thi	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
11	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bình Trì, thị trấn Ân Thi (đoạn từ nhà ông Chuyện đến nhà ông Quang)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
12	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Hoàng Cả, thị trấn Ân Thi - Nay là xã Ân Thi (Đoạn 1: Từ nhà ông Tiền đến trường Cấp 1; Đoạn 2: Từ nhà ba Trúc đến nhà bà Lĩnh)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
13	Cải tạo, nâng cấp đường vào bãi rác một số thôn tại xã Ân Thi	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
14	Sửa chữa đường giao thông nội đồng thị trấn Ân Thi (đoạn từ cống Bùng đến ruộng nhà ông Tuân)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám đoạn 2: từ nhà ông Hòa đến nhà ông Nội) thôn Minh Lý	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà ông Nga Khang đến nhà ông Thầm Liễu)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	

17	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quang Vinh (đoạn từ ĐH.61 đến bãi rác tập trung thôn Ngọc Nhuế)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
18	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Tam Đô xã Hoàng Hoa Thám (Đoạn từ nhà bà Ty đến Nghè Tam Đô)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Phúc Tá, xã Quang Vinh (Từ đường 61 đến sân Đình)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
20	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Phúc Tá xã Quang Vinh (đoạn 1: từ cửa nhà văn hóa đến ngân hàng, đoạn 2: từ nhà ông Nẵng đến nhà ông Hậu)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
21	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Ân Thi (các đoạn qua xóm trong trong làng thôn Quanh).	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
22	Cải tạo , nâng cấp đường GTNT thị trấn ÂN Thi (các đoạn qua xóm Trại Thôn Quanh)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
23	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đỗ Xuyên (Đoạn từ nhà ông Tuyến đến nhà ông Hoàng)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Đanh Xá (Đoạn từ nhà Thạo đến nhà ông Tâm Đanh Xá)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Ninh Đạo, xã Quang Vinh (Đoạn từ ĐH.61 đến ĐT.382 đường gom)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quang Vinh (đoạn từ đường QL 38 đến cuối làng Ninh Đạo)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
27	Duy tu, sửa chữa bảo dưỡng đường GTNT thôn Minh Lý xã Ân Thi (Đoạn 1: Từ nhà ông Nguyện đến nhà ông Táo)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
28	Duy tu, sửa chữa bảo dưỡng đường GTNT thôn Minh Lý xã Ân Thi (Đoạn 1: Từ nhà ông Nguyện đến nhà ông Táo)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Ân Thi (Tuyến 1: Từ nhà ông Năm đến nhà bà Thơm thôn Tam Đô; Tuyến 2: Từ nhà ông Xây đến nhà ông Đính thôn Tam Đô; Tuyến 3: Từ Nhà Văn Hóa thôn Đanh Xá đến nhà ông Hạnh; Tuyến 4: Từ nhà ông Bính đến nhà bà Thân thôn Đanh Xá; Tuyến 5: Từ nhà anh Lương đến nhà ông Nhị thôn Đanh Xá; Tuyến 6: Từ nhà ông Liệu đến nhà ông Vũ thôn Đanh Xá)	xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	2025	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

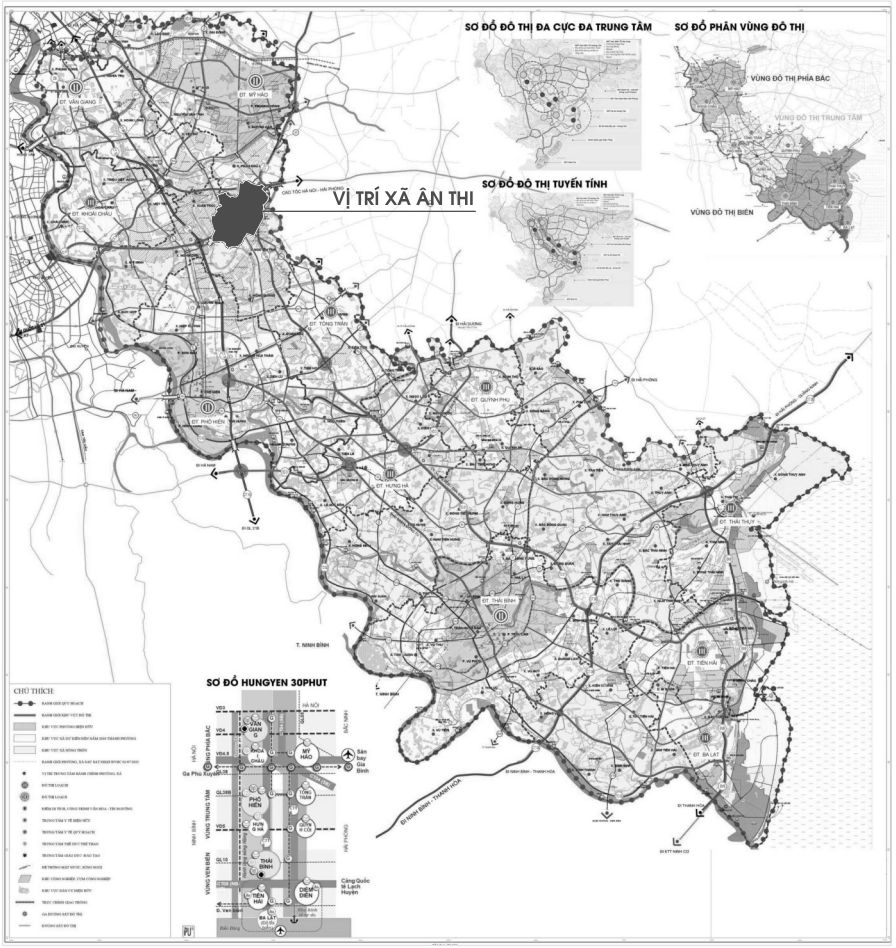
CHỦ TỊCH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

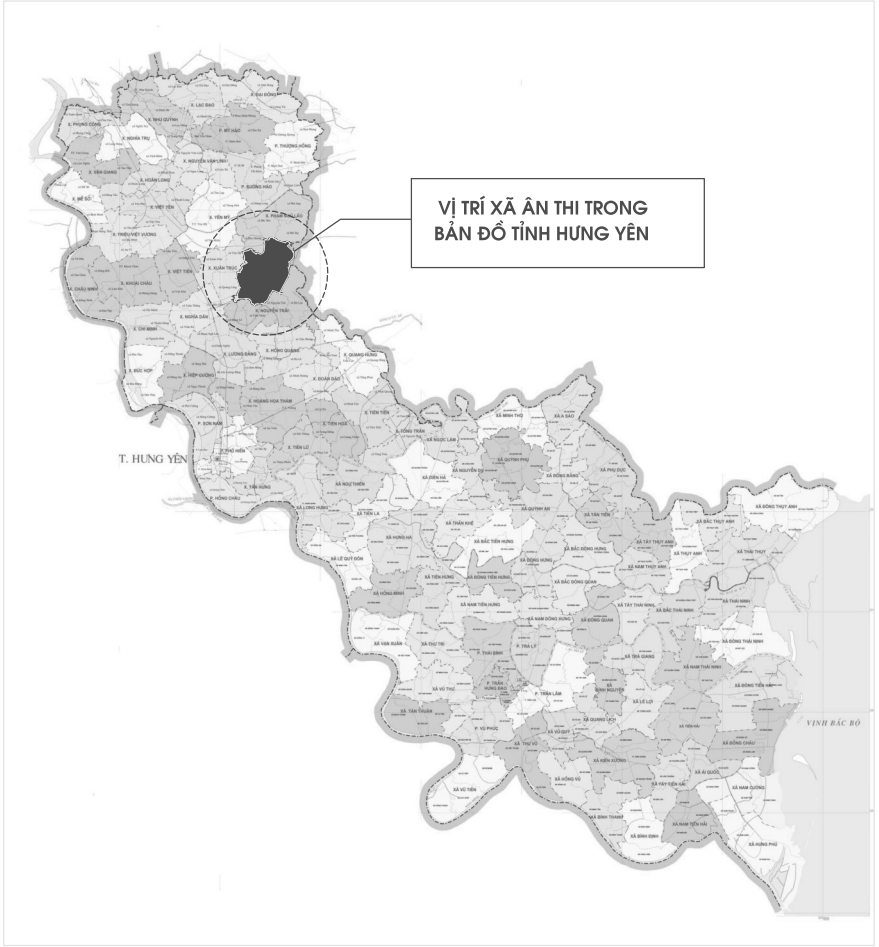
CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HƯNG YÊN



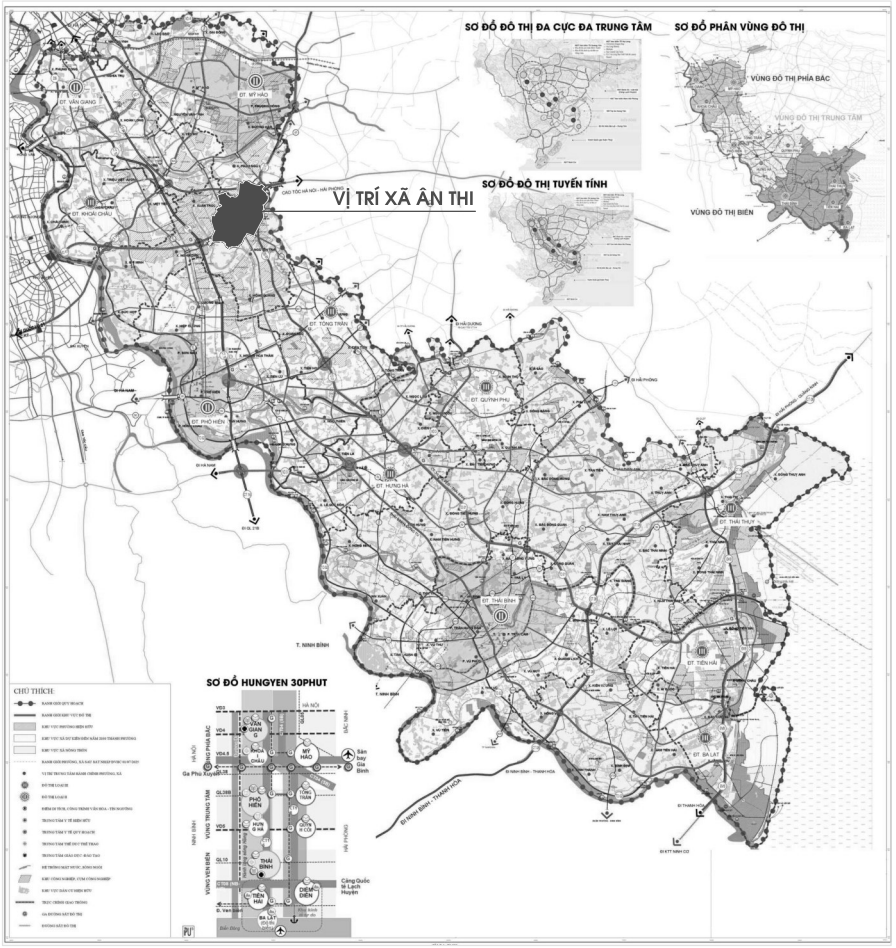
VỊ TRÍ XÃ ÂN THI TRONG BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI

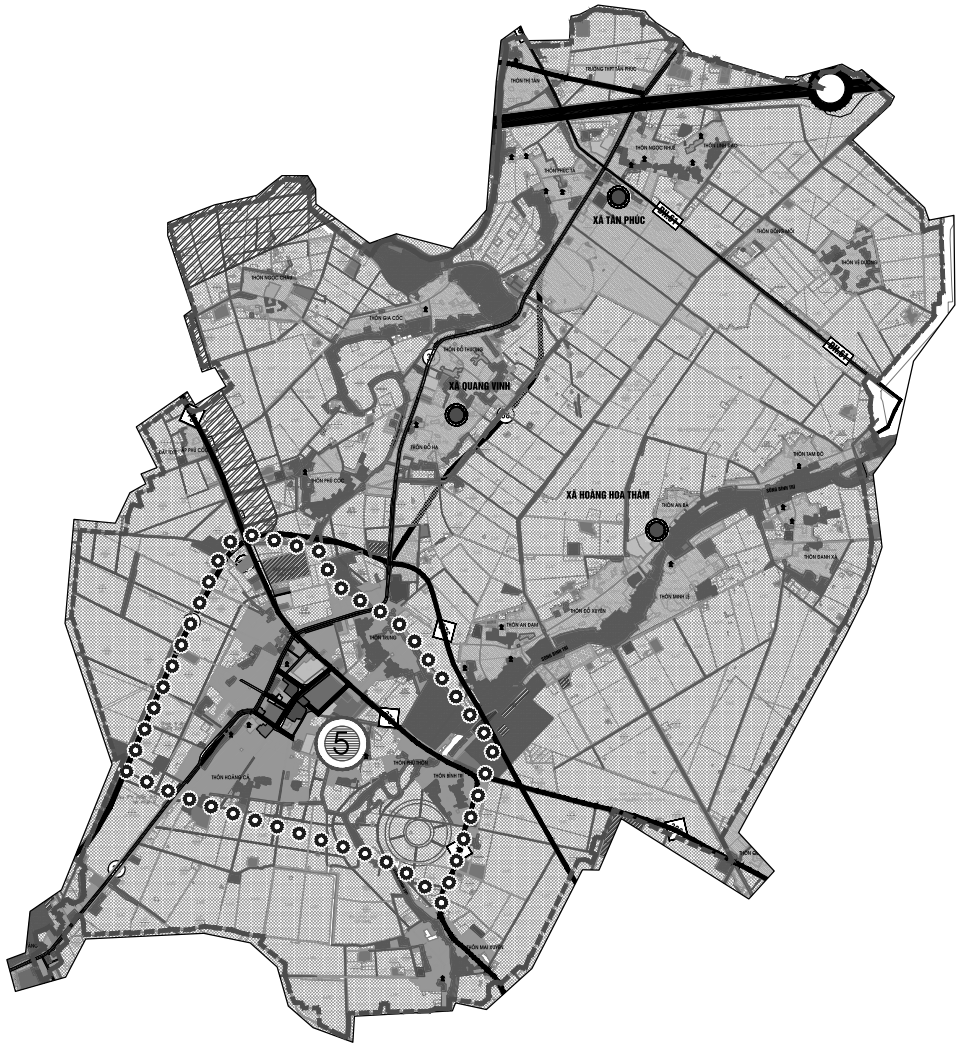
SƠ ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH HƯNG YÊN



VỊ TRÍ XÃ ÂN THI TRONG BẢN ĐỒ TỈNH HƯNG YÊN



ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



CHÚ THÍCH:

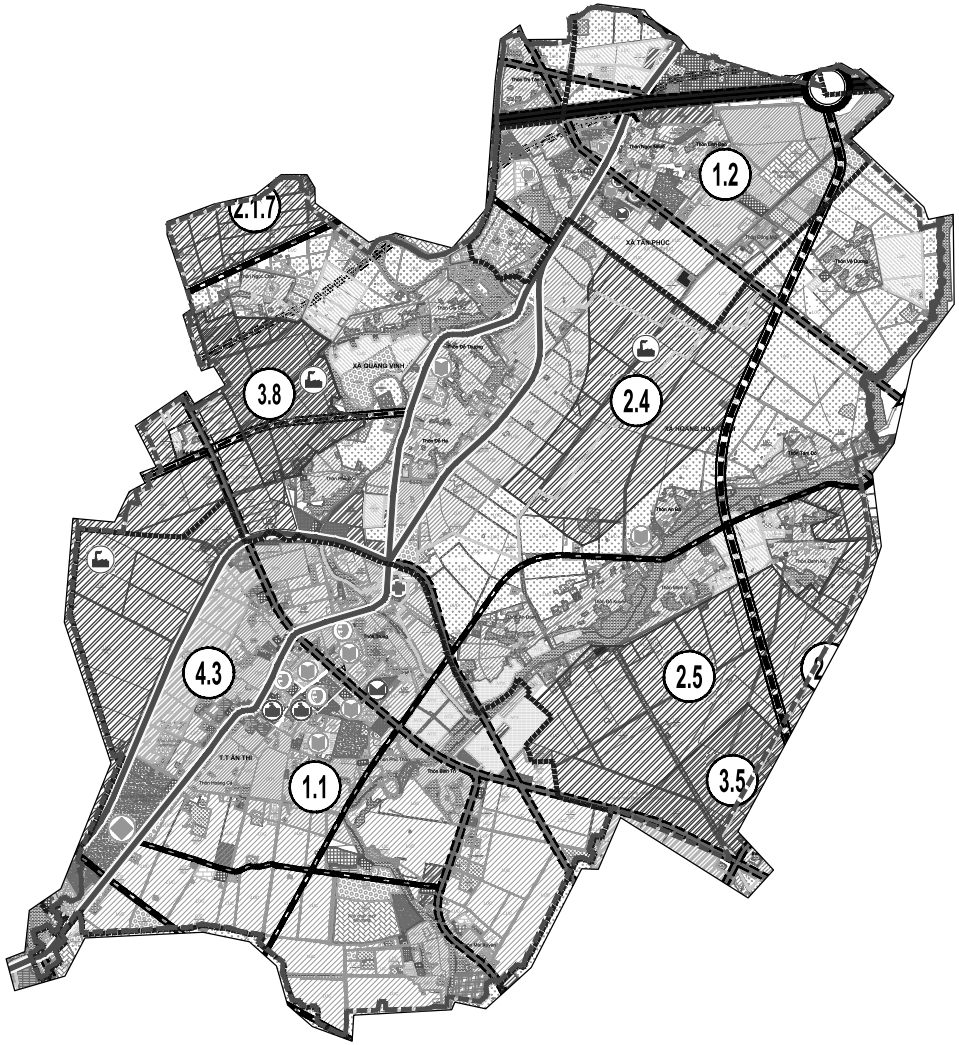
- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT Ở NÔNG THÔN
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SXKD
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP (TRỒNG LÚA)
- ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI XÃ
- RANH DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP
- RANH GIỚI CÁC DỰ ÁN VÀ ĐÔ THỊ
- ĐÔ THỊ LOẠI 5
- TRỤ SỞ UBND XÃ
- KHU CÔNG NGHIỆP
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
- BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM Y TẾ
- NHÀ VĂN HÓA THÔN, XÃ
- TRƯỜNG HỌC TH, TIỂU HỌC MẦM NON
- CT — ĐƯỜNG CAO TỐC
- QL — ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- TL — ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- HL — ĐƯỜNG HUYỆN LỘ
- ĐƯỜNG ĐÊ
- CẦU

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



CHÚ THÍCH:

- VÙNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- VÙNG PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN
- VÙNG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- KHU VỰC QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ MỚI
- KHU VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG
- KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- KHU CÔNG NGHIỆP
- KHU DỰ TRỮ ĐẤT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
- KHU HỖN HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, Ở
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

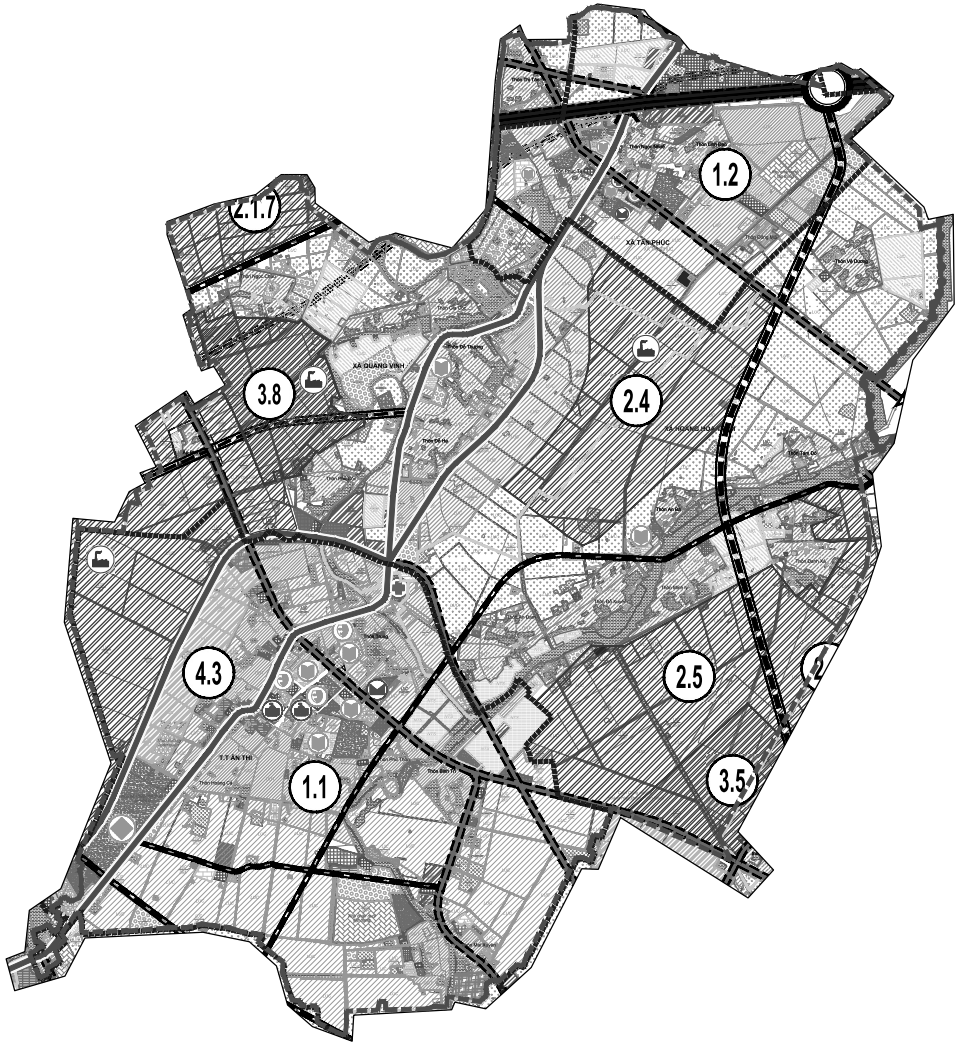
KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ
- RANH GIỚI KHU VỰC ĐÔ THỊ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
- TRUNG TÂM Y TẾ, BỆNH VIỆN CẤP HUYỆN
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, DI TÍCH

QUY HOẠCH

- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG SẮT (THEO QUY HOẠCH ĐƯỜNG NỐI 2 CT)
- ĐƯỜNG ỐNG XĂNG DẦU
- CẦU
- BẾN PHÀ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



CHÚ THÍCH:

- VÙNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- VÙNG PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN
- VÙNG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- KHU VỰC QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ MỚI
- KHU VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG
- KHU VỰC ĐẤU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- KHU CÔNG NGHIỆP
- KHU DỰ TRỮ ĐẤT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
- KHU HỖN HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, Ở
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ
- RANH GIỚI KHU VỰC ĐÔ THỊ
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
- TRUNG TÂM Y TẾ, BỆNH VIỆN CẤP HUYỆN
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, DI TÍCH

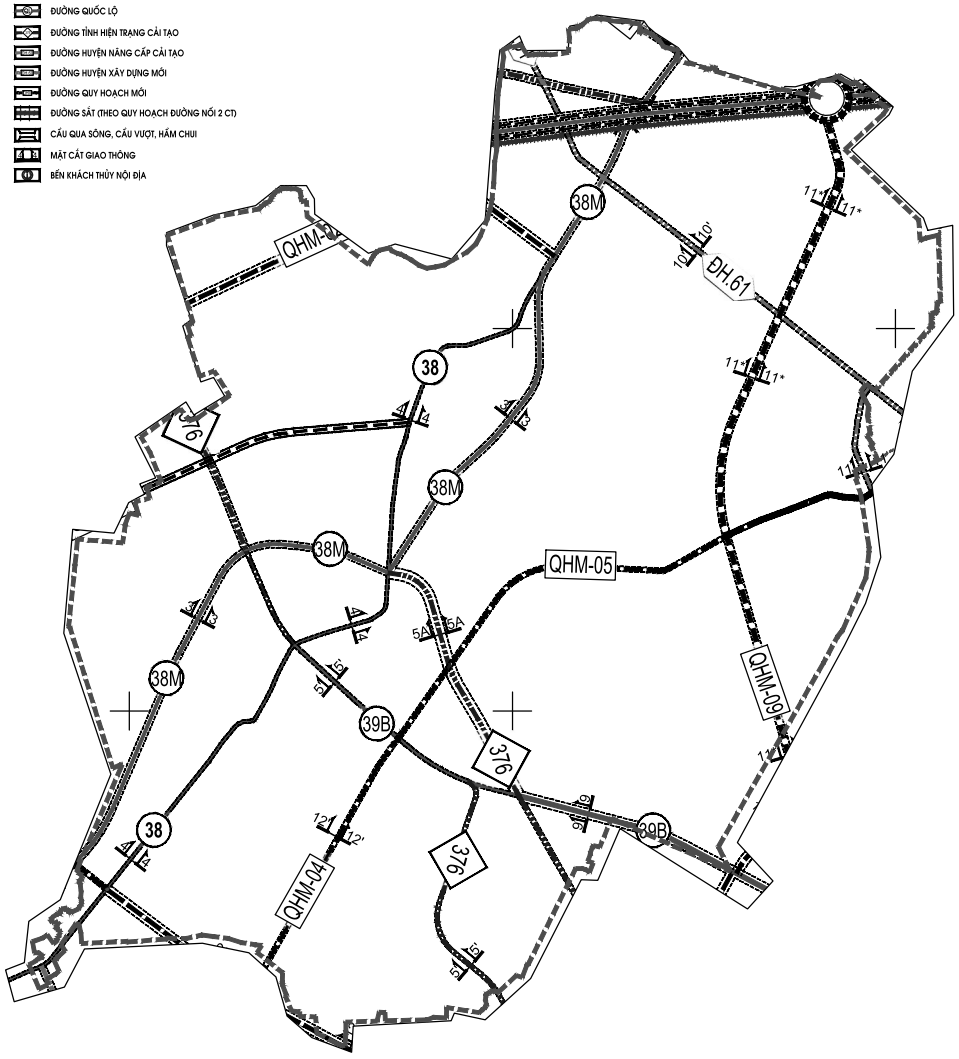
QUY HOẠCH

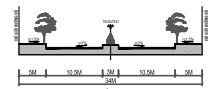
- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG SẮT (THEO QUY HOẠCH ĐƯỜNG NỐI 2 CT)
- ĐƯỜNG ỐNG XĂNG DẦU
- CẦU
- BẾN PHÀ

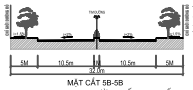
ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT ĐÔ THỊ LOẠI III
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

KÝ HIỆU:

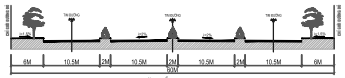
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI XÃ
- ĐƯỜNG CAO TỐC HÀ NỘI-HẢI PHÒNG
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH HIỆN TRẠNG CẢI TẠO
- ĐƯỜNG HUYỆN NÂNG CẤP CẢI TẠO
- ĐƯỜNG HUYỆN XÂY DỰNG MỚI
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG SẮT (THEO QUY HOẠCH ĐƯỜNG NỐI 2 CT)
- CẦU QUA SÔNG, CẦU VƯỢT, HẦM CHUI
- MẶT CẮT GIAO THÔNG
- BẾN KHÁCH THỦY NỘI ĐỊA

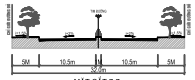


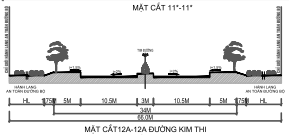

MẶT CẮT 12*-12*
MCN 12-12 ĐOẠN QUA KHU THỂ THAO ÂN THI

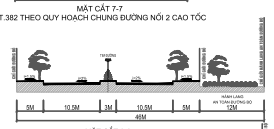

MẶT CẮT 5B-5B
QUY HOẠCH CHUNG ĐƯỜNG NỐI 2 CAO TỐC

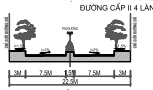

MẶT CẮT 6-6
QUY HOẠCH CHUNG ĐƯỜNG NỐI 2 CAO TỐC

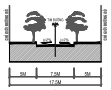

MẶT CẮT 11*-11*

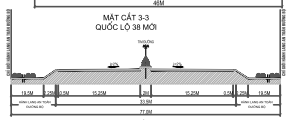

MẶT CẮT 7-7
ĐT.382 THEO QUY HOẠCH CHUNG ĐƯỜNG NỐI 2 CAO TỐC

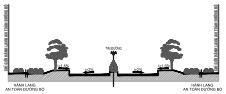

MẶT CẮT12A-12A ĐƯỜNG KIM THI
ĐƯỜNG CẤP II 4 LÀN XE

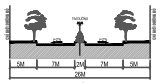

MẶT CẮT 3-3
QUỐC LỘ 38 MỚI

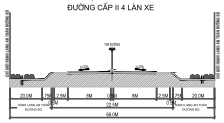

MẶT CẮT 12'-12'
MẶT CẮT NGANG 12-12 ĐOẠN QUA ĐÔ THỊ


MẶT CẮT 10'-10'
ĐH.61 ĐOẠN ĐI QUA ĐÔ THỊ

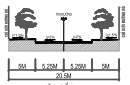

MẶT CẮT 5A-5A
ĐT.376 ĐOẠN TRÙNG VỚI ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5

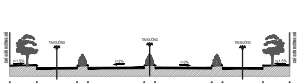

MẶT CẮT 12-12
ĐƯỜNG CẤP II 4 LÀN XE

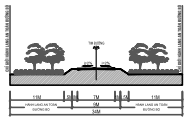

MẶT CẮT 5'-5'
QL39B ĐOẠN ĐI QUA ĐÔ THỊ

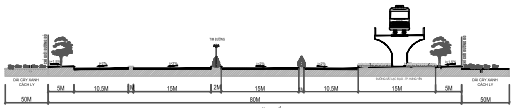

MẶT CẮT 9-9
ĐT.386 ĐOẠN TRÙNG VỚI ĐƯỜNG NỐI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5

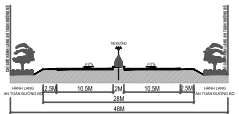

MẶT CẮT 11-11
ĐƯỜNG CẤP III 2 LÀN XE

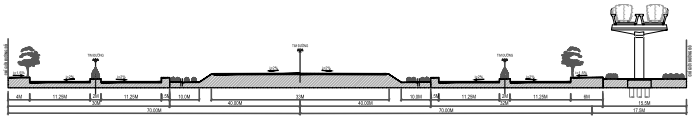

MẶT CẮT 4-4
QUỐC LỘ 38 CŨ


MẶT CẮT 8-8
QHC ĐƯỜNG NỐI 2 ĐG CAO TỐC


MẶT CẮT 10-10
ĐƯỜNG CẤP IV 2 LÀN XE


MẶT CẮT 2-2
ĐƯỜNG NỐI 2 ĐƯỜNG CAO TỐC


MẶT CẮT 5-5
QUY HOẠCH CHUNG ĐƯỜNG NỐI 2 CAO TỐC


MẶT CẮT 1-1